

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

---o0o---

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2000103908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 12/01/2006, thay đổi lần thứ 17 ngày 09/09/2020)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số .../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ...)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Điện thoại: (0290) 3831608 Fax: (0290) 3832297

Website: <http://www.camimex.com.vn/>

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội số 41 Ngô Quyền - P. Hàng Bài - Q. Hoàn Kiếm - Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3818 1888 Fax: (024) 3818 1688

Website: <https://www.shs.com.vn/>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Nguyễn Hoàng Nghĩa

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Số điện thoại: (84) 919 109 000

UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN DĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC DĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

000
BẢNG CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2000103908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 12/01/2006, thay đổi lần thứ 17 ngày 09/09/2020)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ...90.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ...23... tháng ...7... năm 2021...)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Điện thoại: (0290) 3831608 Fax: (0290) 3832297

Website: <http://www.camimex.com.vn/>

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội số 41 Ngô Quyền - P. Hàng Bài - Q. Hoàn Kiếm - Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3818 1888 Fax: (024) 3818 1688

Website: <https://www.shs.com.vn/>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Nguyễn Hoàng Nghi

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Số điện thoại: (84) 919 109 000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2000103908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 12/01/2006, thay đổi lần thứ 17 ngày 09/09/2020



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Camimex Group
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Giá chào bán	: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	: 30.408.751 cổ phần
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	: 304.087.510.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI



Biên cơ hội thành giá trị

Địa chỉ: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội số 41 Ngô Quyền - P. Hàng Bài - Q. Hoàn Kiếm - Tp. Hà Nội
Điện thoại: (024) 3818 1888 Fax: (024) 3818 1688
Website: <http://www.shs.com.vn>

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 1&3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, Số 236-238 Ng. Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Điện thoại: (028) 3915 1368 Fax: (028) 3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 03 Lê Đình Lý, P. Vĩnh Trung Q. Thanh Khê, Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3525 777 Fax: (0236) 3525 779

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Chi nhánh Cần Thơ



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Địa chỉ: I5-13, đường Võ Nguyên Giáp - Phường Phú Thứ - Quận Cái Răng - Cần Thơ
Điện thoại: (0292) 3764 995 Fax: (0292) 3764 996
Website: <https://a-c.com.vn/>

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CỦA BẢN CÁO BẠCH	9
1. Tổ chức phát hành.....	9
2. Tổ chức tư vấn	9
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	9
1. Rủi ro về kinh tế.....	9
1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới	9
1.2. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam.....	10
1.3. Lạm phát	11
1.4. Lãi suất tín dụng.....	12
1.5. Tỷ giá hối đoái	13
2. Rủi ro về pháp luật.....	13
3. Rủi ro đặc thù.....	14
3.1. Rủi ro nguồn nguyên liệu.....	14
3.2. Rủi ro dịch bệnh, thời tiết	14
3.3. Rủi ro về thị trường và cạnh tranh:	15
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán	15
5. Rủi ro pha loãng.....	16
5.1. Pha loãng giá cổ phiếu	16
5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu.....	16
5.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách.....	17
5.4. Rủi ro tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.....	17
6. Rủi ro quản trị Công ty	17
7. Rủi ro khác.....	17
III. CÁC KHÁI NIỆM	18
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	18
1. Thông tin chung về Công ty.....	18
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty	19
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty	21
4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	22
5. Thông tin về công ty mẹ và công ty con của CMX, những công ty mà CMX đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi	

phối đối với CMX.....	26
5.1. Công ty mẹ của CMX	26
5.2. Công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các đơn vị góp vốn khác của CMX.....	26
5.3. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CMX	27
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty.....	28
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của CMX tại các doanh nghiệp khác.....	29
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	29
8.1. Cổ phiếu phổ thông.....	29
8.2. Cổ phiếu ưu đãi.....	29
8.3. Các loại chứng khoán khác	29
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	29
10. Hoạt động kinh doanh.....	31
10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh	31
10.2. Tài sản.....	36
10.3. Thị trường hoạt động	38
10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành	39
10.5. Các hợp đồng lớn	42
10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn.....	43
10.7. Vị thế của CMX trong ngành.....	44
10.8. Hoạt động Marketing.....	48
10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế.....	51
10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển.....	51
10.11. Chiến lược kinh doanh	51
11. Chính sách đối với người lao động	52
11.1. Cơ cấu lao động	52
11.2. Chính sách đối với người lao động.....	52
12. Chính sách cổ tức.....	54
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	55
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của CMX.....	56
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới CMX có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá	

cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	56
16. Thông tin về cam kết của CMX không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	56
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	57
1. Kết quả hoạt động kinh doanh	57
1.1. Công ty mẹ.....	57
1.2. Hợp nhất.....	57
1.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	58
2. Tình hình hoạt động tài chính	60
2.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	61
2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	67
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	69
3.1. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019.....	69
3.2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020.....	69
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	70
4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2021 (Hợp nhất)	70
4.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức	70
5. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	71
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	72
1. Thông tin về cổ đông sáng lập	72
2. Thông tin về cổ đông lớn	72
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	73
3.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.....	73
3.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát	79
3.3. Danh sách thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.....	82
VII. CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN.....	84
1. Loại cổ phiếu.....	84
2. Mệnh giá	84

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	84
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	84
5. Giá chào bán dự kiến	84
6. Phương pháp tính giá	84
7. Phương thức phân phối	85
8. Đăng ký mua cổ phiếu	85
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	85
10. Phương thức thực hiện quyền	86
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	87
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	87
13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của CTCP Camimex Group ..	87
14. Hủy bỏ đợt chào bán	87
15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	87
16. Các loại thuế có liên quan	88
17. Thông tin về các cam kết	89
18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt	89
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	89
1. Mục đích chào bán	89
2. Phương án khả thi (trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án)	89
3. Thông tin về tình hình triển khai dự án	89
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	90
1. Tổng số tiền dự kiến thu được phân bổ theo từng mục đích sử dụng vốn	90
2. Kế hoạch sử dụng tiền chi tiết	90
2.1. Bổ sung vốn lưu động	91
2.2. Cơ cấu lại các khoản nợ	92
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN	95
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	96
XII. PHỤ LỤC	97

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Danh sách các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.....	27
Bảng 2: Quá trình tăng vốn điều lệ.....	28
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 26/05/2021.....	29
Bảng 4: Một số máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ chính của công ty.....	32
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần – Công ty mẹ.....	34
Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần – Hợp nhất.....	35
Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp – Công ty mẹ.....	35
Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận gộp – Hợp nhất.....	36
Bảng 9: Tài sản cố định – Công ty mẹ tại 30/06/2021.....	37
Bảng 10: Tài sản - Hợp nhất tại 30/06/2021.....	37
Bảng 11: Tình hình sử dụng đất đai.....	37
Bảng 12: Cơ cấu thị trường xuất khẩu qua các năm.....	38
Bảng 13: Kết quả kinh doanh các Công ty con năm 2020.....	41
Bảng 14: Danh mục một số hợp đồng Công ty đã ký kết và đang thực hiện.....	42
Bảng 15: Các khách hàng, nhà cung cấp lớn.....	43
Bảng 16: Thuế xuất khẩu tôm Việt Nam và các đối thủ cạnh tranh.....	47
Bảng 17: Một số khách hàng lớn của công ty.....	49
Bảng 18: Cơ cấu lao động.....	52
Bảng 19: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ năm 2019 – Quý II/2021.....	57
Bảng 20: Kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất năm 2019 – Quý II/2021.....	57
Bảng 21: Cơ cấu vốn chủ sở hữu - Công ty mẹ.....	61
Bảng 22: Cơ cấu vốn chủ sở hữu - Hợp nhất.....	61
Bảng 23: Các khoản phải thu – Công ty mẹ.....	62
Bảng 24: Các khoản phải thu – Hợp nhất.....	63
Bảng 25: Các khoản phải trả - Công ty mẹ.....	63
Bảng 26: Các khoản phải trả - Hợp nhất.....	64
Bảng 27: Các khoản nợ quá hạn.....	65

Bảng 28: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước – Công ty mẹ.....	66
Bảng 29: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước – Hợp nhất	66
Bảng 30: Số dư các quỹ - Công ty mẹ	67
Bảng 31: Số dư các quỹ - Hợp nhất.....	67
Bảng 32: Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ.....	67
Bảng 33: Chỉ tiêu tài chính hợp nhất	68
Bảng 34: Danh sách cổ đông lớn và người có liên quan đến các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên	72

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới 2008-2020F	10
Biểu đồ 2: Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2008-2020	10
Biểu đồ 3: Kim ngạch xuất khẩu tôm Việt Nam 2008 –2020.....	11
Biểu đồ 4: Tỷ lệ lạm phát Việt Nam giai đoạn 2008 – 2020	11
Biểu đồ 6: Dân số thế giới	46
Biểu đồ 7: Ước tính nhu cầu tiêu thụ tôm thế giới (Đơn vị: triệu tấn)	46
Biểu đồ 8: Cơ cấu thị trường xuất khẩu tôm của Việt Nam 2019	47

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Một số hình ảnh sản phẩm của Công ty.....	31
Hình 2: Một số giấy chứng nhận tiêu chuẩn đã đạt được của Công ty	33
Hình 3: Xí nghiệp sản xuất	39
Hình 4: Tôm sinh thái Camimex.....	40
Hình 5: Khu nuôi tôm sinh thái Camimex	45
Hình 7: Showroom CMX tại Brussel, Bỉ	50
Hình 8: Một số hình ảnh hoạt động của Công ty	53

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CỦA BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Ông: Bùi Sĩ Tuấn	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông: Huỳnh Văn Tấn	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông: Huỳnh Công Nhân	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Đại diện được ủy quyền: Bà: **Trần Thị Thu Thanh** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 07/2021/UQ-TGD ngày 26/02/2021 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn số 16/2020/HDTVTC/SHS.HS.TV ngày 11/06/2020 với Công ty Cổ phần Camimex Group. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Camimex Group cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế; sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái,... Các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng.

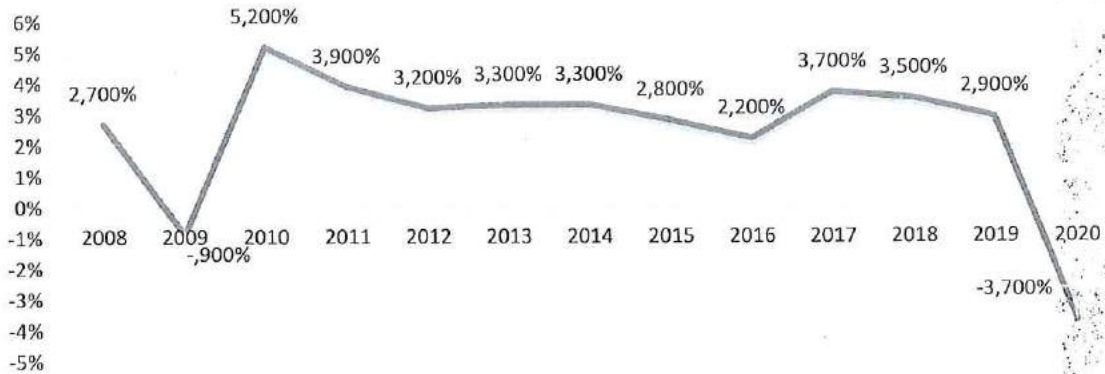
1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới

Ngành thủy sản nói chung và Công ty nói riêng phục vụ chủ yếu cho mục tiêu xuất khẩu nên những biến động về nhu cầu trên thị trường thế giới đều tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2019, chiến tranh thương mại giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới Mỹ-Trung khiến tốc độ tăng trưởng toàn cầu tiếp tục sụt giảm xuống còn 2,9%. Từ đầu năm 2020, dịch bệnh covid 19

đã bùng phát và lây lan nhanh đến hơn 200 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới đã gây ra tác động tiêu cực đến mọi lĩnh vực hoạt động kinh doanh, khi chuỗi cung ứng toàn cầu đều bị trì hoãn. Nền kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, GDP dự báo sẽ giảm tốc xuống mức âm trong năm nay.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới 2008-2020F



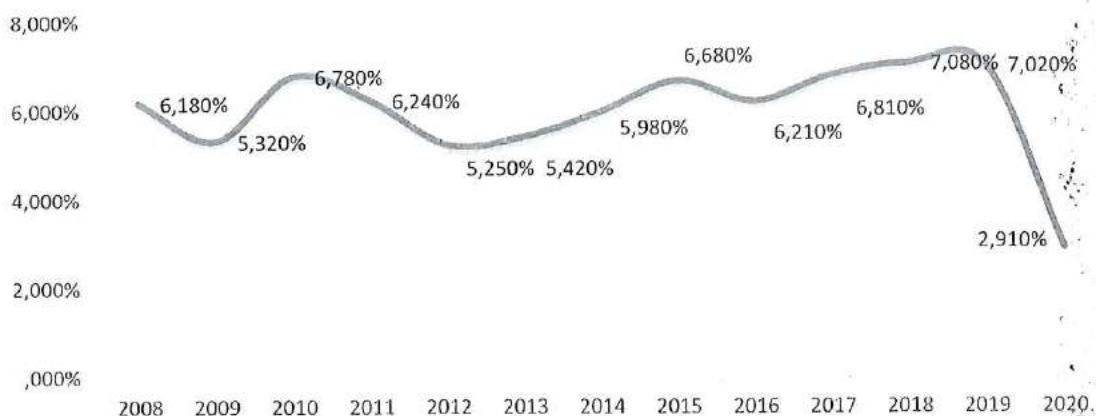
Nguồn: IMF

1.2. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Sau giai đoạn chững lại từ năm 2010 – 2014, nền kinh tế Việt Nam đã lấy lại đà tăng trưởng vững mạnh trong những năm gần đây. Giai đoạn năm 2018 – 2019, tăng trưởng của Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đều đạt trên 7%, đây là một tín hiệu rất khả quan cho thấy mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn nhưng nền kinh tế nước ta đang tiếp tục tăng trưởng sôi động.

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP đạt 2,91%, và đưa Việt Nam trở thành quốc gia có nền kinh tế lớn thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á (sau Indonesia, Thái Lan, Philipin)

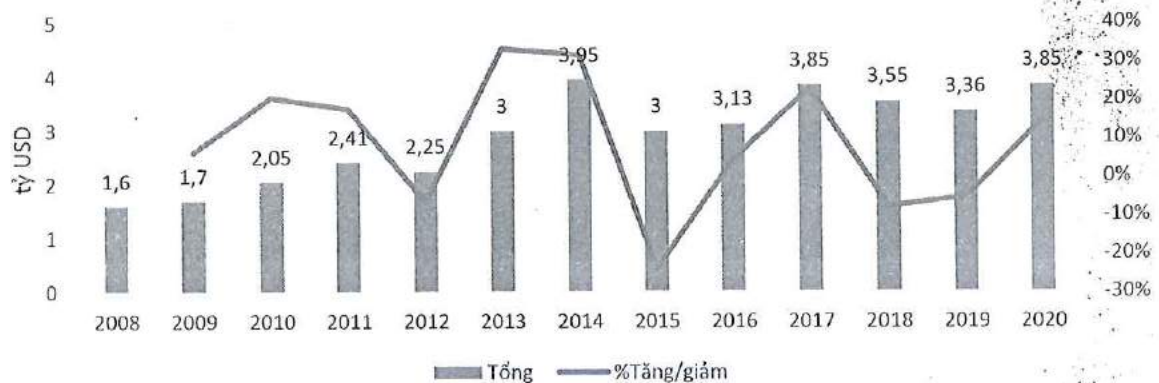
Biểu đồ 2: Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2008-2020



Nguồn: Tổng cục thống kê

Một điểm sáng trong bức tranh kinh tế năm 2020 không thể không nhắc đến đó là xuất khẩu vượt khó trong tình hình dịch bệnh. Kim ngạch xuất khẩu tôm của Việt Nam vẫn duy trì được đà tăng trưởng do khả năng kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh Covid – 19. Đại dịch này tác động giảm sản lượng tôm của các đối thủ cạnh tranh dẫn đến các quốc gia nhập khẩu tăng nguồn hàng từ các nước ít bị ảnh hưởng hơn như Việt Nam để bù đắp thiếu hụt. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tính chung cả năm 2020, xuất khẩu tôm đạt khoảng 3,85 tỷ USD, tăng 15% so với năm 2019

Biểu đồ 3: Kim ngạch xuất khẩu tôm Việt Nam 2008 –2020



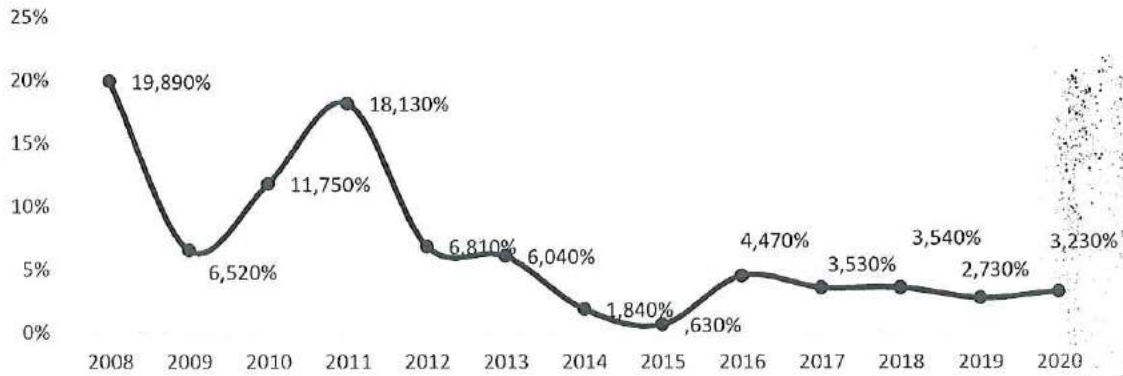
Nguồn: Tổng hợp

Tổng kết lại, đánh giá về Việt Nam, các tổ chức quốc tế đều đưa ra những triển vọng kinh tế Việt Nam trong trung hạn và dài hạn là khá tích cực. Năm 2021, Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP đạt khoảng 6% và trong giai đoạn 2021-2025, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt khoảng 6,5%-7%. Riêng về xuất khẩu tôm, Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) dự báo, tôm chế biến sẽ tăng trưởng 15%, đạt kim ngạch từ 4 - 4,4 tỷ USD. Cụ thể, thị trường Bắc Mỹ có thể đạt 1,1 tỷ USD, EU 700 triệu USD, Anh khoảng 400 triệu USD, Nhật Bản 700 triệu USD, Trung Quốc hơn 600 triệu USD...

Mặc dù nền kinh tế thế giới còn gặp nhiều khó khăn, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam thấp nhất từ năm 2011, đầu tư nước ngoài (FDI) chững lại nhưng với vị thế là một nước kiểm soát tốt dịch Covid, cùng với sự phục hồi tăng trưởng mạnh mẽ của ngành tôm xuất khẩu, Camimex Group kỳ vọng sản lượng, doanh thu của Công ty sẽ gia tăng trong thời gian tới.

1.3. Lạm phát

Biểu đồ 4: Tỷ lệ lạm phát Việt Nam giai đoạn 2008 – 2020



Nguồn: Tổng cục thống kê

Với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kiềm hãm được mức tăng của chỉ số CPI. Điều này được thể hiện khá rõ qua các báo cáo của Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế xã hội Việt Nam năm 2013 và 2014. Theo báo cáo này, năm 2013 và năm 2014 chỉ số CPI bình quân chỉ còn tăng lần lượt là 6,04% và 1,84% so với năm 2012 và năm 2013. Năm 2015, lạm phát Việt Nam là 0,63%, mức thấp nhất trong 10 năm qua. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy mục tiêu kiểm soát lạm phát và ổn định vĩ mô của Việt Nam đã phát huy tác dụng, nhờ vậy các doanh nghiệp có thể yên tâm phát triển sản xuất kinh doanh.

Bước sang năm 2017 tỷ lệ lạm phát đã được kiểm soát thành công luôn duy trì mức dưới 4%. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với năm trước, đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2020 dưới 4% của Quốc Hội đề ra trong bối cảnh một năm với nhiều biến động khó lường. Mức lạm phát này chỉ ở mức trung bình, ngưỡng lạm phát chấp nhận được và không ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty.

1.4. Lãi suất tín dụng

Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

Trong những năm gần đây, lãi suất cho vay doanh nghiệp đã trở nên bình ổn, hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo công bố của IMF (03/2020), lãi suất cho vay của Việt Nam ở mức 7,7%, tương đương Philippines (7,13%), thấp hơn một số nước có trình độ phát triển tương đồng trong khu vực như Indonesia (10,01%), Mông Cổ (16,81%), Bangladesh (9,62%), Ấn Độ (9,4%), Myanmar (16%). Từ đó, các doanh nghiệp sẽ tiết giảm chi phí lãi vay, ảnh hưởng tích cực đến kết quả kinh doanh.

Từ đầu năm 2020 đến nay, để tạo điều kiện giảm mặt bằng lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch covid-19, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh giảm 3 lần các mức lãi suất điều hành với quy mô tương đối lớn. Gần đây nhất, ngày 30/09/2020, Ngân hàng Nhà nước ban hành quyết định số 1730/NĐ-NHNN về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam là 4,5%/năm. Trước đó, ngày 30/03/2020, Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành thông tư số 01/2020/TT-NHNN về về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng dịch Covid-19.

CTCP Camimex Group luôn có nhu cầu vay vốn ngắn hạn từ ngân hàng để tài trợ vốn lưu động phục vụ xuyên suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như vận hành vùng nuôi hay mua tôm nguyên liệu nên những năm qua vay nợ ngân hàng luôn chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn của Công ty. Do vậy, ban điều hành Công ty luôn thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ra quyết định sử dụng khoản vay từ Ngân hàng để kiểm soát, hạn chế rủi ro lãi suất. Dự kiến, trong thời gian tới, cùng với chủ trương hạ mức lãi suất ngân hàng, rủi ro lãi suất sẽ giảm đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.5. Tỷ giá hối đoái

Năm 2019, tỷ giá chịu ảnh hưởng từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, ngoài ra việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (fed) giảm lãi suất 3 lần và sự điều tiết cung ngoại hối của Ngân hàng nhà nước đã ảnh hưởng lên các đợt tăng mạnh của tỷ giá. Trong năm 2019, tỷ giá trung tâm USD/VND đã có 3 lần lập đỉnh. Bước sang năm 2020, do chịu ảnh hưởng của dịch covid 19 khiến thị trường vàng, chứng khoán liên tục biến động nhưng tỷ giá USD/VND vẫn tương đối ổn định. Theo VERP (Viện nghiên cứu Kinh tế và Chính sách) dự báo: “Với nguồn cung ngoại tệ dồi dào nhờ vào thặng dư thương mại cao (thặng dư 16,5 tỷ USD trong 9 tháng của năm 2020), nguồn vốn FDI đăng ký mới không sụt giảm nhiều (chỉ giảm 5,2%), tỷ giá VND/USD có thể tiếp tục giữ mức ổn định cho tới cuối năm”. Trong định hướng điều hành chính sách tiền tệ những tháng cuối năm, NHNN cũng đã cam kết tiếp tục điều hành lãi suất, tỷ giá phù hợp với cân đối vĩ mô, lạm phát, diễn biến thị trường và mục tiêu chính sách tiền tệ; đảm bảo ổn định thị trường, tỷ giá, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và củng cố dự trữ ngoại hối nhà nước khi điều kiện thị trường thuận lợi.

Đối với Camimex, tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến doanh thu, vì hoạt động kinh doanh chủ yếu của CMX là xuất khẩu thủy sản, nên ngoại tệ là nguồn doanh thu chiếm tỷ trọng lớn, trong khi nguồn nguyên liệu đến từ thị trường trong nước. Chính vì thế biến động của tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của CMX. Với hai thị trường xuất khẩu chính là Châu Âu và Hàn Quốc chiếm trên 80% tỷ trọng các quốc gia mà Camimex xuất khẩu sang. Do vậy, CMX đặc biệt quan tâm theo dõi các tỷ giá như EUR/VND và KRW/VND để có các biện pháp giải quyết kịp thời. CMX đã dự tính rủi ro tỷ giá hối đoái thông qua các chính sách điều chỉnh nguồn thu có yếu tố ngoại tệ, cơ chế xuất khẩu và tín dụng thương mại ... Các kế hoạch nhập khẩu và xuất khẩu liên quan đến đối tác nước ngoài được tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất.

2. Rủi ro về pháp luật

Là Doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần với lĩnh vực kinh doanh nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản nên Công ty Cổ phần Camimex Group chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thủy sản, Luật Thương mại, các Luật về Thuế... và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Ngoài ra, với đặc thù là doanh nghiệp xuất khẩu, chủ yếu vào các thị trường Châu Âu, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật,... Hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu sự ảnh hưởng của các chính sách, luật và các quy định khác do chính phủ của các quốc gia mà Công ty xuất khẩu ban hành. Các quy định chống bán phá giá, yêu cầu về kỹ thuật, truy xuất nguồn gốc tại các thị trường xuất khẩu chính ngày càng khắt khe khiến cho việc xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trở nên khó khăn hơn.

Thị trường EU là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn của Việt Nam, với giá trị nhập khẩu thuộc top đầu. Tuy nhiên sau khi bị áp dụng “thẻ vàng” do vi phạm quy tắc truy xuất nguồn gốc IUU đối với các sản phẩm hải sản, giá trị xuất khẩu đã giảm mạnh. Theo đó, kể từ ngày 24/10/2017, 100% lô hàng hải sản Việt Nam vào thị trường EU bị giữ lại để kiểm tra nguồn gốc khai thác. Điều này ảnh hưởng không tốt trong hoạt động xuất khẩu bởi phát sinh thêm chi phí do thời gian kiểm tra kéo dài cùng nguy cơ rủi ro của doanh nghiệp khá lớn. Hiện nay, Ban Chỉ đạo quốc gia về IUU tích cực tham mưu, tổng hợp, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ các giải pháp cấp bách trong việc nỗ lực gỡ “thẻ vàng” cho thủy sản Việt Nam.

Tại thị trường Mỹ, CMX hiện đang được hưởng thuế chống bán phá giá 0% tuy nhiên mỗi năm Bộ Thương mại Mỹ (DOC) sẽ đánh giá lại và áp mức thuế mới cho doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu tôm vào Mỹ. Ngoài ra, chính thức từ ngày 31/12/2018, tất cả tôm và bào ngư nhập khẩu vào Mỹ phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của Chương trình Giám sát nhập khẩu thủy hải sản nhập khẩu vào Mỹ (SIMP). Chính sách mới với nhiều thủ tục, quy định đang đặt ra nhiều khó khăn, gây lúng túng cho các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu tôm của Việt Nam.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro nguồn nguyên liệu

Đặc thù của ngành xuất khẩu thủy sản là đến từ chi phí giá vốn chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu, mà chi phí nguồn nguyên liệu là yếu tố chiếm chủ yếu. Vì thế, những biến động trong nguồn nguyên liệu sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Từ nhiều năm nay, thủy sản Việt Nam luôn gặp phải tình trạng thiếu nguyên liệu sản xuất, đặc biệt là thủy sản khai thác và tôm nguyên liệu. Bên cạnh đó, chất lượng nguồn nguyên liệu cũng chưa được đáp ứng tốt đã gây không ít khó khăn cho việc xuất khẩu sang các thị trường khó tính.

Để đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất với chi phí hợp lý, công ty luôn chuẩn bị kế hoạch thu mua tôm nguyên liệu chi tiết, liên kết, phối hợp chặt chẽ với nguồn nuôi để đảm bảo nguồn dự trữ và tồn kho hợp lý, đồng thời tự triển khai phát triển vùng nuôi tôm để chủ động một phần nguồn nguyên liệu cho sản xuất. Hiện Công ty đang sở hữu khu nuôi sinh thái: 790,5ha, sản lượng 227 tấn/năm đồng thời liên kết với nông hộ nuôi với tổng diện tích 6.034 ha, sản lượng 1.859 tấn/năm đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định và chất lượng, từ đó có thể hạn chế những tổn thất mà rủi ro này mang lại.

3.2. Rủi ro dịch bệnh, thời tiết

Tôm là động vật biến nhiệt, thân nhiệt thay đổi theo môi trường sống, do đó các hiện tượng biến đổi thời tiết bất thường diễn ra với cường độ cao như mưa lớn, hạn hán, ngập mặn,... làm thay đổi nhiệt độ đột ngột đều gây bất lợi cho việc gây giống cũng như nuôi trồng tôm.

Từ lâu dịch bệnh là một vấn đề đau đầu không chỉ của ngành tôm mà còn ngành nuôi trồng thủy sản nói chung. Cụ thể, trong năm 2013, dịch EMS đã làm giảm 40% sản lượng tôm hàng năm của Thái Lan. Nông dân Ấn Độ cũng gặp nhiều khó khăn gây ra bởi dịch bệnh EHP và đốm trắng, làm giảm 10% sản lượng của nước này trong năm 2016.... Ở Việt Nam hiện tượng tôm, cá chết hàng loạt do dịch bệnh và sự cố môi trường thường xuyên xảy ra. Điển hình như hiện tượng sự cố xả thải Formosa, 200 tấn cá chết ở sông Đồng Nai...

Trước thực trạng đó, Camimex đã áp dụng khoa học công nghệ và quy trình kiểm soát nghiêm ngặt để hạn chế rủi ro về dịch bệnh, ô nhiễm môi trường:

- Áp dụng công nghệ quảng canh cải tiến hạn chế thay nước, bảo vệ đáy ao, hạn chế xả thải ra ngoài môi trường nước
- Xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học
- Hạn chế sử dụng thuốc, hóa chất và đúng quy định
- Với hộ nông dân liên kết, Công ty bố trí đội kỹ thuật định kỳ 2 lần/năm làm nhiệm vụ tư vấn và kiểm tra vùng nuôi đảm bảo đạt tiêu chuẩn Organic EU, Bio Suisse, Naturland, ...

3.3. Rủi ro về thị trường và cạnh tranh:

Trong nước là áp lực cạnh tranh vùng nguyên liệu và lao động phổ thông khá gay gắt. Một mặt do nguồn nguyên liệu thủy sản cho xuất khẩu vẫn thiếu hụt và không ổn định, nhưng mặt khác mức độ tuân thủ hợp đồng của người nông dân với doanh nghiệp không cao đặc biệt là khi giá cả biến động tăng. Ngành thủy sản cũng là ngành sử dụng nhiều lao động phổ thông nên với sức ép gia tăng tiền lương và cạnh tranh với nội bộ ngành cũng như các ngành khác trong việc thu hút lao động cũng là vấn đề nan giải.

Trên thế giới thì thủy sản Việt Nam cũng chịu áp lực cạnh tranh gay gắt về giá bán với các nước xuất khẩu thủy sản khác như: Thái Lan, Indonesia, Ecuador, Trung Quốc, Ấn Độ... và bảo hộ ngành khai thác của các nước nhập khẩu như: Mỹ, EU, Nhật Bản nên tỷ lệ cạnh tranh của ngành là rất cao. Ấn Độ và Ecuador hiện nay là 2 nước có sản lượng nuôi trồng lớn nhất thế giới, cạnh tranh trực tiếp về giá thành, cũng như sản phẩm với Việt Nam. Đáng chú ý, sau khi Hiệp định thương mại giữa Ecuador và EU có hiệu lực thì tôm thẻ của nước này xuất khẩu vào EU tăng rất mạnh. Tuy nhiên, hai hiệp định CPTPP và EVFTA có hiệu lực hứa hẹn mở ra nhiều cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị phần trên thế giới.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán

Đợt chào bán này không được bảo lãnh nên có thể xảy ra khả năng cổ phiếu không được chào bán hết cho cổ đông hiện hữu. Do vậy, Công ty không thu được số tiền đúng như dự kiến để thực hiện mục đích phát hành. Tổng giá trị số tiền dự tính thu được từ đợt phát hành của Công ty là **304.087.510.000 đồng** (trường hợp phân phối hết toàn bộ số cổ phiếu chào bán) trong trường hợp lượng cổ phần chưa phân phối hết sẽ được xử lý theo hướng:

- Chủ tịch HĐQT tiếp tục chào bán với giá 10.000 đ/cp theo thứ tự ưu tiên cho các thành viên sau: Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Cán bộ công nhân viên Công ty, Các cổ đông hiện hữu khác.
- Nếu các đối tượng này không mua hết, chủ tịch HĐQT được quyền lựa chọn chào bán cho các đối tượng khác với mức giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Cuối cùng, số cổ phiếu chào bán không được mua hết dẫn đến số tiền thu được không đủ tài trợ cho mục đích chào bán thì Công ty sẽ huy động từ các nguồn khác như vay ngân hàng,

vay cá nhân, vay các tổ chức khác để bổ sung.

Tuy nhiên, với giá phát hành (10.000 đ/cp) thấp hơn so với thị giá hiện tại trên thị trường cổ phiếu (giá đóng cửa ngày 31/12/2020: 17.900 đ/cp) cùng với triển vọng tăng trưởng của Công ty thì khả năng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư đối với cổ phiếu của Công ty là rất lớn, đảm bảo sự thành công của đợt phát hành.

5. Rủi ro pha loãng

Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành trong năm là 30.408.751 cổ phiếu tỷ lệ 1:1 tương đương 100% lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty dự kiến tăng lên tương ứng như sau:

Vốn điều lệ hiện tại	304.087.510.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.408.751 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu	30.408.751 cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành	60.817.502 cổ phiếu
Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành	608.175.020.000 đồng

Sau khi toàn bộ số cổ phiếu trong đợt phát hành thêm này chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường, nhà đầu tư nên lưu ý là lượng cổ phiếu chào bán thêm sẽ khiến tổng số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty tăng lên làm xuất hiện các rủi ro pha loãng bao gồm

5.1. Pha loãng giá cổ phiếu

Trong đợt phát hành này, Công ty chào bán 30.408.751 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu lưu hành của Công ty sau khi thực hiện chào bán sẽ tăng thêm 100% so với số cổ phiếu lưu hành hiện tại, vì vậy giá cổ phiếu sẽ được thị trường điều chỉnh. Giá cổ phiếu sau khi pha loãng được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá tham chiếu điều chỉnh} = \frac{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành} * \text{giá thị trường} + \text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm} * \text{giá chào bán}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành} + \text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm}}$$

Giả sử giá cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường là 17.900 đồng/cổ phiếu (theo giá đóng cửa ngày 31/12/2020), giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu; giá cổ phiếu sau khi pha loãng tính theo công thức:

$$\text{Giá tham chiếu điều chỉnh} = \frac{30.408.751 * 17.900 + 30.408.751 * 10.000}{30.408.751 + 30.408.751} = 13.950 \text{ đồng /cổ phiếu}$$

Như vậy, việc phát hành thêm cổ phiếu sẽ làm pha loãng giá cổ phiếu của Công ty.

5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) pha loãng được tính như sau:

$$\text{EPS pha loãng} = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Như vậy, đợt phát hành cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của CMX tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Chỉ số này sẽ giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu. Vì vậy, nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

5.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách

Công thức tính giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BV):

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

Rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.

5.4. Rủi ro tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Đối với việc phát hành cho cổ đông hiện hữu, trong trường hợp cổ đông thực hiện toàn bộ quyền mua của mình, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ không thay đổi. Trong trường hợp cổ đông từ bỏ hoặc chuyển nhượng quyền, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết sẽ bị giảm tương ứng.

6. Rủi ro quản trị Công ty

Công ty được thành lập và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ năm 2006 và trở thành công ty niêm yết từ năm 2010. Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty còn được kiểm soát chặt chẽ bởi đội ngũ Ban kiểm soát uy tín và chuyên nghiệp do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Do đó, các hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong ngành, giúp đội ngũ quản trị của Công ty có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro để đảm bảo việc quản trị doanh nghiệp được thực hiện một cách ổn định và có hiệu quả.

7. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động lãi suất, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giám sát và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

III. CÁC KHÁI NIỆM

BCTC	: Báo cáo tài chính
Công ty/ CMX	: Công ty Cổ phần Camimex Group
CPTPP	: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
CBNV	: Cán bộ nhân viên
DHĐCD	: Đại hội đồng cổ đông
ĐKKD	: Đăng ký kinh doanh
EVFTA	: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU
GTGT	: Giá trị gia tăng
HĐQT	: Hội đồng quản trị
HOSE	: Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
NHNN	: Ngân hàng nhà nước
NLD	: Người lao động
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
TCT	: Tổng công ty
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
Tổ chức tư vấn/ SHS	: Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
UBCKNN	: Ủy ban chứng khoán nhà nước
VASEP	: Hiệp hội chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam
VCSH	: Vốn chủ sở hữu
VND	: Đồng Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Công ty

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
Tên tiếng Anh:	CAMIMEX GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: CAMIMEX GROUP

Trụ sở chính: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Điện thoại: (0290) 3831608 Fax: (0290) 3832297

Website: <http://www.camimex.com.vn/>

Vốn điều lệ: 304.087.510.000 đồng

Mã chứng khoán: CMX Sàn niêm yết: HOSE

Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 2000103908 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 09 tháng 09 năm 2020.

Người đại diện pháp luật: Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch HĐQT

Logo:



Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến thủy sản các loại. Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm. Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân.	1020 (Chính)
2	Nuôi trồng thủy sản biển Chi tiết: Nuôi tôm	0321
3	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty

1977

Công ty cổ phần Camimex Group (tên trước đây là Công ty chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau) - tiền thân là Xí nghiệp đông lạnh Cà Mau, được thành lập ngày 13/09/1977, là một Xí nghiệp chế thủy sản đầu tiên của tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau) và đứng thứ 25 của ngành thủy sản Việt Nam với công suất ban đầu là 600 tấn/năm.

1993

Để đáp ứng kịp thời sự phát triển của nền kinh tế nước nhà từ cơ chế tập trung bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường, qua nhiều lần thay đổi tên doanh nghiệp

theo từng mô hình của từng thời kỳ, đến 1993 đơn vị mang tên “Công ty Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau” (tên viết tắt là CAMIMEX). Từ đó công ty không ngừng mở rộng sản xuất và phát triển trong lĩnh vực chế biến và xuất nhập khẩu mặt hàng thủy sản.

2005

Theo quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau thành “Công ty cổ phần Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau” với hình thức sở hữu cổ phần nhà nước trực thuộc sự quản lý của TCT Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

2006

Đến ngày 12/01/2006, Công ty đã chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6103000065 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 12/01/2006 với tổng vốn Điều lệ ban đầu là 65 tỷ đồng.

2010

Ngày 02/11/2010 công ty được Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu và cổ phiếu công ty chính thức giao dịch vào tại sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ngày 09/11/2010.

2011

Theo kế hoạch bán vốn nhà nước năm 2011 ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-ĐTKV. HĐTV ngày 17/12/2011 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) ngày 20/11/2011, CTCP Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (CAMIMEX) đã hoàn tất việc thoái vốn nhà nước và trở thành doanh nghiệp sở hữu 100% vốn đầu tư tư nhân.

2018

Để phù hợp với sự phát triển của công ty trong giai đoạn hiện nay, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 tổ chức ngày 18/04/2018 đã thống nhất quyết định đổi tên công ty thành CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP;

2019

Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 264 tỷ thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

2020

Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành ESOP, nâng vốn điều lệ từ 264 tỷ đồng lên 304 tỷ đồng

❖ Các thành tích:

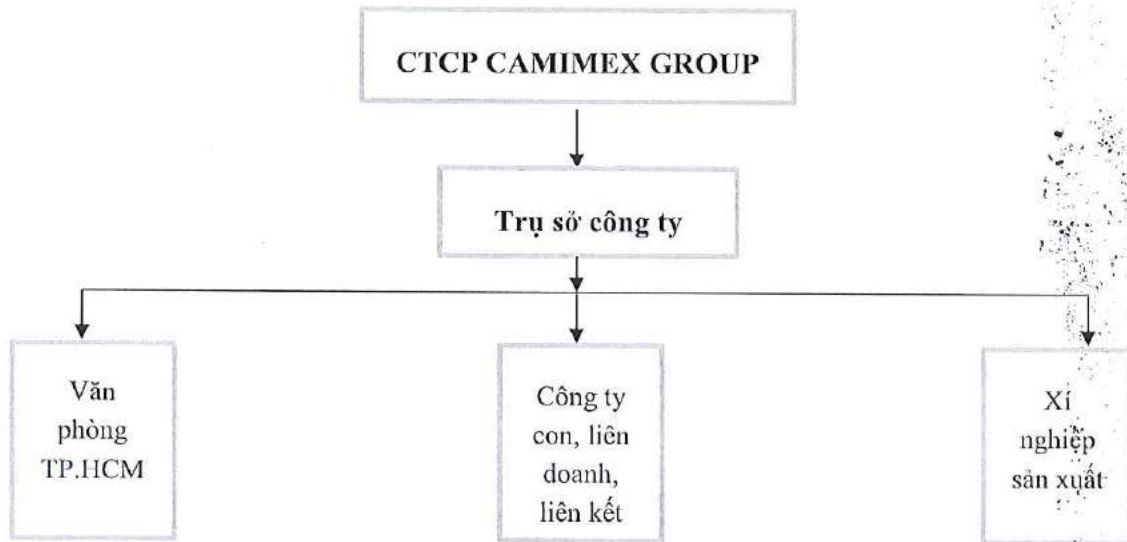
Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty đã đạt được các thành tích và được tặng thưởng các danh hiệu, chứng nhận cao quý như:

- **Năm 2000:** Công ty được chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng Anh hùng lao động
- **Năm 2008, 2009:** Hiệp hội chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) xếp hạng

những doanh nghiệp uy tín trong thị trường thủy sản tại Việt Nam.

- **Năm 2015:** Doanh nghiệp đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam đạt chứng chỉ tôm sinh thái toàn diện đầy đủ của Naturland và IMO từ khâu con giống, nuôi trồng, chế biến thành phẩm xuất ra thị trường.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty



Công ty Cổ phần Camimex Group được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

Trụ sở chính Công ty Cổ phần Camimex Group:

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: (0290) 3831608 Fax: (0290) 3832297

Trụ sở chính của công ty là nơi đặt văn phòng làm việc Ban Tổng Giám đốc Công ty và các phòng, ban nghiệp vụ

Văn phòng đại diện TP.HCM

Địa chỉ: Số 33/3 đường Gò Ô Môi, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Các Công ty con, liên doanh, liên kết:

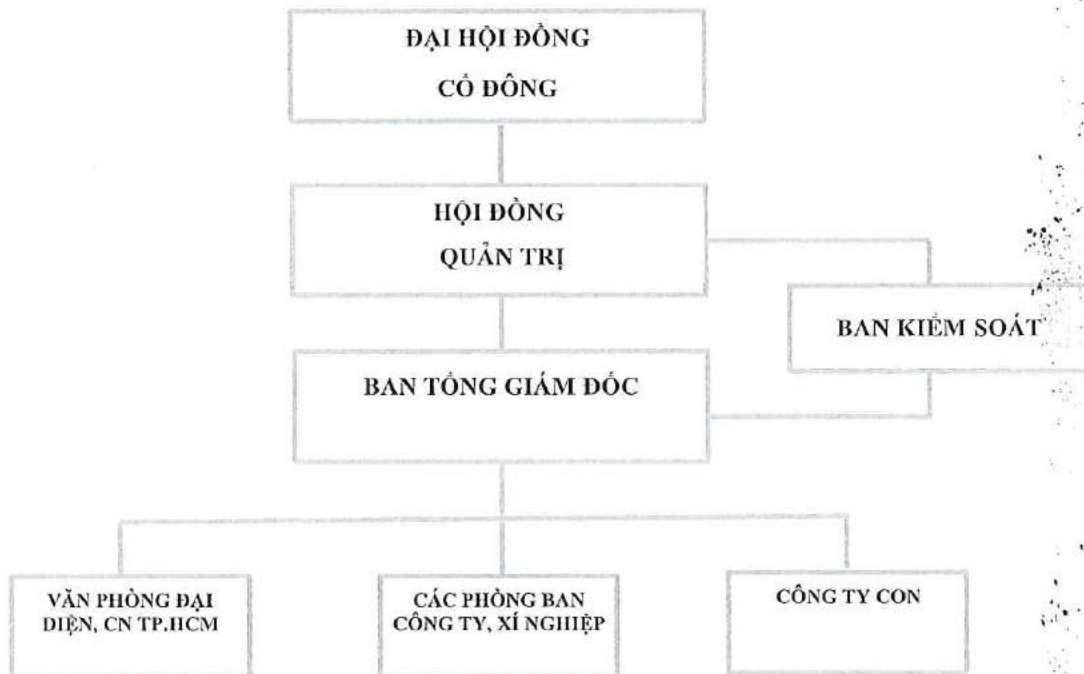
- Công ty Cổ phần Camimex, Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau ;
- Công ty Cổ phần Camimex Logistics, Địa chỉ: 33/3 Gò Ô Môi, khu phố 2, Phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh;
- Công ty TNHH Camimex Organic, Địa chỉ: Ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau;

- Công ty Cổ phần Camimex Foods, Địa chỉ: 969 Lý Thường Kiệt, phường 6, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau;
- Công ty TNHH LD Công nghệ cao, Địa chỉ: Ấp 1, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam;
- Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị. Địa chỉ: Trại sản xuất giống thủy sản mặn lợ Cửa Tùng, Thị trấn Cửa Tùng, Huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị.

Xí nghiệp sản xuất

- Xí nghiệp chế biến thủy sản số 2, Địa chỉ: khóm 2, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Xí nghiệp chế biến thủy sản số 4, Địa chỉ: 224 Cao Thắng, khóm 2, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Xí nghiệp chế biến thủy sản số 5, Địa chỉ: 999 Lý Thường Kiệt, phường 6, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Công ty Cổ phần Camimex Group được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty Cổ phần gồm:

❖ **Đại hội đồng Cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định cơ cấu tổ chức, giải thể, phá sản Công ty, quyết định các kế hoạch đầu tư dài hạn và chiến lược phát triển, cơ cấu vốn, bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Quyền hạn và nhiệm vụ khác của ĐHĐCD được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

❖ **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền

nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội Đồng Quản Trị hiện tại có 05 thành viên, gồm có 01 (một) Chủ tịch, 04 (năm) thành viên. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Quyền hạn và nhiệm vụ khác của HĐQT được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị:

Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Đức Cường	Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
Ông Đặng Ngọc Sơn	Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Hà	Chức vụ: Thành viên HĐQT
Ông Huỳnh Văn Tấn	Chức vụ: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

❖ Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty hiện tại có 03 thành viên, gồm có 01 (một) trưởng ban và 02 thành viên Ban kiểm soát, do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm theo Quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát:

Ông Nguyễn Đăng Duẩn	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Thắng	Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa	Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

❖ Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc của Công ty có 04 thành viên, gồm có 01 (một) Tổng giám đốc, 02 (hai) Phó Tổng giám đốc và 01 (một) Kế toán trưởng. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng giám đốc.

Ban Tổng giám đốc hiện nay của Công ty là những người có kiến thức chuyên môn sâu rộng, nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành trong lĩnh vực thủy sản.

Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Ông Huỳnh Văn Tấn	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đức Cường	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
Ông Đặng Ngọc Sơn	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
Ông Huỳnh Công Nhân	Chức vụ: Kế toán trưởng

❖ Các công ty con:

Hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo ngành nghề đăng ký kinh doanh.

❖ **Văn phòng đại diện TP. Hồ Chí Minh:**

- Thực hiện quảng bá sản phẩm của Công ty tới khách hàng
- Luôn luôn tìm kiếm khách hàng tiêu thụ sản phẩm, đồng thời báo cáo cho Ban Tổng Giám đốc.
- Đảm nhiệm đại diện giao dịch với các khách hàng trong và ngoài nước tại TP Hồ Chí Minh.
- Thực hiện các chức năng khác công ty giao.

❖ **Các phòng ban chức năng:**

▪ **Phòng Kinh doanh Tổng hợp**

- Đề xuất, ký kết hợp đồng bán sản phẩm công ty cho các đối tác trong và ngoài nước. Soạn thảo các văn bản hợp đồng kinh tế và theo dõi thực hiện giao nhận hàng hóa đúng hợp đồng đã ký.
- Kết nối với các phương tiện truyền thông đại chúng, xây dựng và cung cấp thông tin hai chiều tạo nên sự hiểu biết và ủng hộ của công chúng đối với thương hiệu và các sản phẩm của công ty.
- Có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị, bộ phận trực thuộc thực hiện kế hoạch sản xuất, số lượng hàng hóa sản xuất, xuất khẩu theo hợp đồng đã ký.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hàng tháng, quý, năm, nhằm nâng cao sản lượng sản xuất và đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm.

▪ **Phòng Ban kiểm soát nội bộ**

- Tham mưu cho HĐQT, ban Tổng giám đốc về những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tham mưu cho Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro trong việc xây dựng, thực hiện các quy chế, quy trình của Công ty.
- Quản lý và theo dõi giám sát hệ thống camera trong toàn công ty.
- Thực hiện công tác kiểm soát nội bộ khác của Công ty.

▪ **Phòng Hành chính Nhân sự**

- Thực hiện chế độ chính sách cho người lao động đúng theo qui định của Nhà nước. Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng thi đua khen thưởng công ty về việc tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động, đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm trưởng phó phòng ban, đề nghị khen thưởng và kỷ luật cán bộ công nhân trong công ty có hành vi vi phạm nội qui lao động và Bộ Luật lao động
- Phân công và sử dụng lao động khoa học hợp lý, tăng năng suất lao động và có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện chức năng hành chính quản trị như: mở sổ sách theo dõi, quản lý và lưu trữ công văn đi, đến, sao chụp và chuyển công văn đến người thực hiện theo sự phê duyệt chỉ đạo

của Ban Tổng Giám đốc công ty.

- Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ quan, trật tự an ninh xã hội trong phạm vi xí nghiệp và các khu vực trực thuộc Công ty quản lý.
- Theo dõi và đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện các quyết định chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.
- Thực hiện và tham gia công tác bảo vệ môi trường, phòng chống bão lụt, phòng cháy chữa cháy và an toàn vệ sinh lao động.

▪ **Phòng Kế toán tài vụ**

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về việc tổ chức bộ máy kế toán, điều hành hạch toán, quyết toán về hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý vốn, nguồn vốn đúng qui định của pháp luật.
- Theo dõi công nợ phải thu phải trả, phản ánh kịp thời và quản lý tốt việc thu chi tiền mặt, tiền gửi thanh toán nội bộ, đối ngoại.
- Đối chiếu và tích cực thu hồi các khoản công nợ phát sinh trong nước và nước ngoài, báo cáo kịp thời công nợ dầy dụa khó thu cho Ban Tổng Giám đốc.
- Theo dõi trực tiếp các hợp đồng kinh tế đã ký với khách hàng trong và ngoài nước, kịp thời thanh lý các hợp đồng đã thực hiện.
- Thực hiện quyết toán quý, sáu tháng, chín tháng, năm theo đúng quy định.
- Tham mưu đề xuất các biện pháp quản trị rủi ro trong các hoạt động thương mại liên quan đến tôm nguyên liệu, đầu tư tài chính và thực hiện các nhiệm vụ khác mà Công ty được giao trong từng thời kỳ hoạt động.

▪ **Phòng kỹ thuật, xây dựng cơ bản**

- Quản lý trang thiết bị máy móc trong toàn Công ty.
- Tổ chức thực hiện các giải pháp kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Phân công công việc cho các phó trưởng phòng, tổ sửa chữa, tổ vận hành. Phối hợp với các xí nghiệp, phòng ban trong công ty để thực hiện công việc chuyên môn kịp thời, liên tục, an toàn, hiệu quả.
- Xây dựng qui trình vận hành, hướng dẫn sử dụng các máy móc thiết bị.
- Theo dõi chặt chẽ tình trạng hoạt động của máy móc thiết bị, lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ, trung tu, đại tu nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, liên tục.
- Lập kế hoạch hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng về việc bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị máy móc, dụng cụ sản xuất trong toàn công ty.
- Tiếp nhận báo cáo về tình trạng của trang thiết bị máy móc từ Ban Giám đốc, tổ vận hành các xí nghiệp, phòng ban, thẩm định mức độ hư hỏng và đề ra giải pháp khắc phục, sửa chữa.
- Điều hành công việc sửa chữa trang thiết bị máy móc trong toàn Công ty theo thứ tự ưu tiên tại các xí nghiệp, phòng ban.

▪ Phòng Quản lý chất lượng sản phẩm (QM)

- Thường xuyên kiểm tra thực hiện chương trình quản lý chất lượng HACCP; GMP; SSOP, BRC... và hệ thống chất lượng đạt yêu cầu thực tế và vận hành có hiệu quả.
- Nghiên cứu kiểm tra đề xuất các xí nghiệp việc thực hiện qui trình sản xuất chế biến, điều kiện sản xuất cho phù hợp với yêu cầu để đạt được hiệu quả chất lượng.
- Tham gia xem xét góp ý các dự án đầu tư nâng cấp xây dựng các xí nghiệp về phương diện chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Có nhiệm vụ bảo quản, sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị dụng cụ phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát chất lượng mà phòng quản lý.
- Có trách nhiệm tổ chức kiểm tra vi sinh, kháng sinh hàng ngày từng khâu nguyên liệu được giao đến khâu bán thành phẩm trên từng công đoạn, thành phẩm nhập kho theo đơn đặt hàng, vệ sinh công nghiệp như: nước, nước đá tại các xí nghiệp theo kế hoạch kiểm tra vi sinh định kỳ của phòng.
- Thường xuyên theo dõi kết quả kiểm tra vi sinh, thể hiện đầy đủ các chỉ tiêu thông số theo biểu mẫu, báo cáo phân tích nguyên nhân những lô hàng bị nhiễm (nếu có) và báo cáo Ban Tổng Giám đốc xử lý chấn chỉnh kịp thời.

▪ Phòng công nghệ

- Nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm mới, quy trình mới, cải tiến quy trình sản xuất.
- Ban hành lệnh sản xuất, phụ kiện sản xuất, kiểm tra giám sát chất lượng.
- Làm hàng mẫu, kiểm hàng xuất, nhập...
- Phụ trách liên hệ, dẫn khách tham quan, đánh giá khách hàng tại các xí nghiệp....
- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Ban giám đốc công ty.

❖ Các Xí nghiệp 2, Xí nghiệp 4, Xí nghiệp 5:

- Tổ chức việc thực hiện, giám sát các hoạt động sản xuất của các nhà máy chế biến
- Sản xuất chế biến tôm theo từng ngày/tuần/tháng/quý báo cáo lên ban HDQT, ban Tổng giám đốc.
- Phối hợp với các phòng ban liên quan về kế hoạch sản xuất theo từng ngày/tuần /tháng/quý.
- Tổ chức sản xuất và phân công ca cho công nhân, thực hiện điều hành giám sát các hoạt động chế biến sản phẩm trong quá trình hoạt động tại các nhà máy.

5. Thông tin về công ty mẹ và công ty con của CMX, những công ty mà CMX đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CMX.**5.1. Công ty mẹ của CMX**

Không có

5.2. Công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các đơn vị góp vốn khác của CMX

Bảng 1: Danh sách các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

TT	Tên công ty	Năm nắm giữ giai đoạn 2019-hiện tại	Ngày thành lập	Số giấy ĐKKD	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
I Công ty con								
1	Công ty Cổ phần Camimex	2019 – hiện tại	06/06/2013	2001122903	Gia công, chế biến, xuất khẩu	630	76,69%	76,69%
2	Công ty Cổ phần Camimex Logistic	2019 – hiện tại	22/06/2018	0315120124	Cho thuê kho đông lạnh, vận chuyển hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ ủy thác xuất khẩu	15	86,67%	86,67%
3	Công ty TNHH Camimex Organic	2019 – hiện tại	07/04/2011	2001014506	Sản xuất, kinh doanh tôm giống	50,5	99,01% (trực tiếp: 19,8%, gián tiếp: 79,21%)	99,01% (trực tiếp: 19,8%, gián tiếp: 79,21%)
II Công ty liên kết								
4	Công ty Cổ phần Camimex Foods	2019 – hiện tại	14/03/2019	2001309274	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	150	46%	46%
5	Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị	2020 – hiện tại	08/08/2019	3200698186	Sản xuất giống thủy sản, nuôi tôm, nuôi cá, nuôi thủy sản khác	10	49%	49%
6	Công ty TNHH LD Công nghệ Cao	2020 – hiện tại	02/12/2019	2001322370	Nuôi tôm	79	33,54%	33,54%

5.3. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CMX

Không có

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty

Bảng 2: Quá trình tăng vốn điều lệ

Đơn vị: đồng

Thời điểm	Giá trị vốn tăng thêm	Vốn ĐL sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
2006	65.000.000.000	65.000.000.000	Vốn điều lệ ban đầu: thời điểm chuyển sang cổ phần ngày 12/01/2006.	Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau - Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu ngày 12/01/2006
2007	23.815.000.000 (thực tế: 19.560.700.000)	88.815.000.000 (thực tế: 84.560.700.000)	- Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 4:1) 16.250.000.000 đồng - Trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ: 7.565.000.000 đồng Do ngày 09/05/2007 Công ty đã chuyển khoản trước phần chia cổ tức 2006 vào quỹ sắp xếp cổ phần hóa (CP nhà nước) TK 419 CP quỹ: 4.254.300.000 đồng. Từ đó vốn điều lệ thực tế tăng 19.560.700.000 đồng lên 84.560.700.000 đồng	Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau - Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 1 ngày 21/05/2007
2008	4.201.160.000 (thực tế: 8.455.460.000)	93.016.160.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu 10% vốn điều lệ thực tế	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau - Giấy ĐKKD thay đổi lần 2 ngày 11/11/2008
2009	21.951.810.000	114.967.970.000	Cổ phiếu thưởng trích từ quỹ đầu tư phát triển	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau - Giấy ĐKKD thay đổi lần 3 ngày 16/07/2009
2011	17.244.370.000	132.212.340.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu 15% vốn điều lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau - Giấy ĐKKD thay đổi lần 7 ngày 30/09/2011
2020	132.212.340.000	264.424.680.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 21/GCN-UBCK ngày 17/01/2020 của UBCKNN - Giấy ĐKKD thay đổi lần thứ 16 ngày 30/03/2020
2020	264.424.680.000	304.087.510.000	Phát hành cổ phiếu để tăng	- CV số 4992/UBCK-QLCB

Thời điểm	Giá trị vốn tăng thêm	Vốn ĐL sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
			vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành ESOP	ngày 13/08/2020 về nhận được tài liệu báo cáo phát hành của UBCKNN - Giấy ĐKKD thay đổi lần thứ 17 ngày 09/09/2020

Nguồn: CTCP Camimex Group

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của CMX tại các doanh nghiệp khác

Trong 02 năm 2019-2020, Công ty không có các khoản góp vốn hoặc thoái vốn nào có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm thực hiện.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 26/05/2021

Cổ đông	Số cổ đông	Số lượng CP	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	3.278	24.343.572	243.435.720	80,05
* Cá nhân	3.251	21.449.998	214.499.980	70,54
* Tổ chức	27	2.893.574	28.935.740	9,52
II. Cổ đông nước ngoài	45	6.065.179	60.651.790	19,95
* Cá nhân	36	196.037	1.960.370	0,64
* Tổ chức	9	5.869.142	58.691.420	19,30
III. Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0,00
Tổng	3.323	30.408.751	304.087.510	100,00

Nguồn: Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ngày 26/05/2021 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD Số 2000103908 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 09 tháng 09 năm 2020, hiện CTCP Camimex Group đăng ký 3 ngành nghề với giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài như sau:

TT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo Điều lệ công ty (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	(1020) Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến thủy sản các loại. Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm. Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân.	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
2	(0321) Nuôi trồng thủy sản biển Chi tiết: Nuôi tôm	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Thuộc danh mục ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện (NĐ 31/2021/NĐ-CP)	Không quy định
3	(0322) Nuôi trồng thủy sản nội địa	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Thuộc danh mục ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện (NĐ 31/2021/NĐ-CP)	Không quy định

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Camimex Group hiện nay không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.

→ Theo đó, hiện 2 ngành nghề 0321, 0322 của CTCP Camimex Group thuộc danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và hạn chế tiếp cận thị trường với nhà đầu tư nước ngoài tuy nhiên chưa có quy định cụ thể về tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài.

Căn cứ quy định tại điểm **điểm c Khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP** ngày 31/12/2020: “c) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh thuộc danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài thì thực

hiện theo quy định về sở hữu nước ngoài tại danh mục. Trường hợp ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện tại danh mục không quy định cụ thể điều kiện tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty là 50% vốn điều lệ;"

Do vậy, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%.

- Hiện tại, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ngày 26/05/2021 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam là 6.065.179 cổ phiếu tương đương 19,95% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Các sản phẩm/dịch vụ của Công ty

Các sản phẩm chủ lực của Công ty gồm các loại tôm sinh thái, tôm sú, tôm chỉ và sản phẩm giá trị gia tăng với quy cách Tươi/Hấp HOSO (nguyên con), HLSO (bò đầu), PD (lột vỏ, rút tim), PUD (lột vỏ, không rút tim), PTO (lột vỏ, chừa đuôi), Nobashi (kéo dãn), Ebi-fry (tôm bánh mì), Tempura, Đông block, IQF, đông gió, khay, đóng gói hút chân không...Đóng gói: 1kg, 1.8 kgs, 2 kgs, 1 lb, 2 lbs, 2.5 lbs,...

➤ Sản phẩm tôm sinh thái:

Tôm sinh thái là tôm nuôi tự nhiên không cho thức ăn công nghiệp và không dùng thuốc kháng sinh trên những nông trại rừng Đước tại Lâm Ngư Trường. Tôm được chế biến dưới dạng tươi hay hấp PD, PTO, HLSO,... bằng những dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn vệ sinh.

➤ Sản phẩm tôm tươi:

Tôm nguyên con (HOSO) đông Semi - IQF, tôm HLSO (tôm lột đầu còn vỏ (HLSO) đông IQF, tôm lột vỏ chừa đuôi (PTO) đông IQF, PD (tôm lột hết vỏ) đông IQF, HLSO Block,...

➤ Sản phẩm tôm hấp:

Tôm nguyên con (HOSO) hấp đông IQF, tôm nguyên con xiên que hấp đông IQF, tôm lột đầu còn vỏ (HLSO) hấp đông IQF, tôm lột vỏ chừa đuôi (PTO) hấp đông IQF, PD hấp đông IQF,....

➤ Sản phẩm tôm giá trị gia tăng:

Tôm Nobashi, tôm tằm bột, tôm tằm bột chiên, tôm trộn gia vị, tôm xé bướm, tôm cuộn bánh trắng, tôm tempura, PD xiên que đông IQF, PD xiên que hấp đông IQF,...

Hình 1: Một số hình ảnh sản phẩm của Công ty



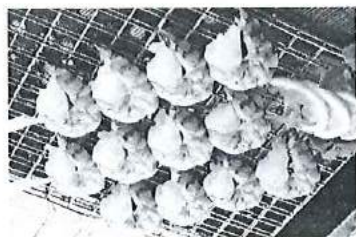
Tôm Nobashi nhúng đuôi



Tôm lật dầu hấp



Tôm cuộn bánh tráng



Tôm sủ PD xiên que



Tôm tempura



Tôm thẻ lật dầu



Tôm sủ lật dầu



Tôm sushi



Tôm xẻ bướm

10.1.2. Trình độ công nghệ

Dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị của Công ty liên tục được nâng cấp, áp dụng các cải tiến kỹ thuật. Với 90% máy móc thiết bị của Camimex được sản xuất theo công nghệ Nhật Bản (máy móc thiết bị được nhập khẩu trực tiếp từ Nhật Bản hoặc sản xuất tại liên doanh Việt Nam-Nhật Bản) góp phần làm giảm hao hụt trong quá trình chế biến thành phẩm so với công nghệ đến từ các nước khác.

Bảng 4: Một số máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ chính của công ty

TT	Tên thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng	Xuất xứ
	Hệ thống Máy phân cơ	400kg/h	15	Nhật
	Hệ thống băng chuyền			
1	Băng chuyền IQF	500 kg/h	01	Nhật
2	Băng chuyền IQF	700 kg/h	01	Nhật
3	Băng chuyền IQF	300 kg/h	01	Nhật
4	Băng chuyền IQF	650 kg/h	01	Nhật
5	Băng chuyền IQF	500 kg/h	01	Nhật
6	Băng chuyền IQF	660 kg/h	02	Nhật, HTL:VN
7	Băng chuyền IQF	500kg/h	02	Dan Mạch

8	Băng chuyền hấp	1.000kg/h	01	Đan Mạch
9	Băng chuyền hấp	500kg/h	02	Đan Mạch
	<u>Hệ thống tủ đông</u>			
1	Tủ đông tiếp xúc	1.000 kg/m	02	Nhật
2	Tủ đông gió	350 kg/m	03	Việt Nam
	<u>Hệ thống nước đá vấy/làm lạnh nước</u>			
1	Đá vấy	38 Tấn	01	Đan Mạch
2	Đá vấy	20 Tấn	02	EU
3	Đá vấy	40 Tấn	01	Nhật
4	Đá vấy	15 Tấn	01	EU
5	Làm lạnh nước	10 m ³ /h	03	EU
	<u>Hệ thống Kho lạnh</u>			
1	Kho thành phẩm	1.500 Tấn	01	Nhật
2	Kho thành phẩm	900 Tấn	01	Nhật
3	Kho thành phẩm	200 Tấn	01	Đan Mạch
4	Kho thành phẩm	50 Tấn	07	Anh
5	Kho lẻ 25T	25 Tấn	01	Đức
6	Kho thành phẩm	30 Tấn	02	Việt Nam

10.1.3. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Các thị trường tiêu thụ thủy sản lớn như Mỹ, Nhật Bản, EU... luôn đặt vấn đề an toàn thực phẩm lên hàng đầu, các nước này luôn dựa vào các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của quốc tế để xác định chất lượng sản phẩm nhập khẩu. Vì vậy, an toàn vệ sinh thực phẩm là vấn đề cốt lõi trong sản xuất kinh doanh của Công ty. Ý thức được điều này, Công ty đã không ngừng nâng cao kiểm soát chất lượng sản phẩm của mình bằng việc tuân thủ thực hiện các hệ thống quản lý chất lượng đã đạt được như: HACCP, ISO 9001:2000, GMP, SSOP, BRC, BAP, Halal, ASC, MSC, IFS, Organic, BSCI.

Đặc biệt Công ty đã được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn Organic EU, Bio Suisse, Naturland, và là một trong những doanh nghiệp đầu tiên trên thế giới được chứng nhận đạt tiêu chuẩn Organic trại giống. Hiện ở Việt Nam, CMX cũng là đơn vị duy nhất đạt được chứng nhận này.

Hình 2: Một số giấy chứng nhận tiêu chuẩn đã đạt được của Công ty





10.1.4. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Nguồn nguyên liệu:

- Nguồn nguyên liệu tôm nói chung (cả tôm sú và tôm thẻ): Do tôm là động vật biển nhiệt đới bị ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết, nguồn nước nên tôm nguyên liệu thường được thả giống từ tháng 12 tới tháng 4 hàng năm và được thu hoạch sau khoảng 3-4 tháng với mùa thu hoạch chính là từ tháng 5 tới tháng 11.
- Riêng tôm sú quảng canh: trong một tháng sẽ có hai đợt thu hoạch, một đợt kéo dài từ 2-3 ngày vào những ngày đầu tháng âm lịch (ngày 30, ngày 1, ngày 2) và giữa tháng âm lịch (ngày 14, ngày 15, ngày 16). Những ngày này tôm sú nguyên liệu sẽ gấp 3-5 lần bình thường.

❖ Tiêu thụ:

Sản phẩm của CMX chủ yếu là tôm qua chế biến, từ tháng 5 đến tháng 11 là các tháng xuất khẩu chủ lực của Công ty. Đây là thời điểm các quốc gia nhu cầu đặt hàng ăn tết Dương Lịch, chuẩn bị cho mùa lễ tết và tổng kết cuối năm, đặc biệt hàng cao cấp value added Camimex người tiêu dùng có thể mua làm hộp quà tặng dịp cuối năm.

10.1.5. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

❖ Cơ cấu doanh thu thuần

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2019		Năm 2020		6T/2021	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Bán hàng hóa	130.057	95,31%	1.926	17,41%	32.355	60,39%
Bán thành phẩm	6.063	4,44%	-	-	-	-
Cung cấp dịch vụ	336	0,25%	9.138	82,59%	21.223	39,61%
Tổng cộng	136.456	100%	11.064	100%	53.578	100%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2019-2020; BCTC Công ty mẹ Quý II/2021

Doanh thu thuần Công ty mẹ đạt 136 tỷ năm 2019 giảm mạnh so với năm 2018 do xuất phát từ nhu cầu quản trị ngày càng tăng cao và định hướng phát triển trong tương lai của Công ty. Hiện Camimex Group đang đầu tư vào các công ty con, liên doanh, liên kết (CTCP Camimex, Camimex logistics, Camimex Organic, Camimex Foods, Camimex Nutrition, Camimex Quảng Trị) để tạo thành chuỗi giá trị từ con giống đến bàn ăn trong đó mỗi Công ty đảm nhận nhiệm vụ

khác nhau có Công ty chuyên đảm nhận khâu chế biến sản xuất, công ty chuyên về phân phối, giới thiệu, có công ty chuyên về sản xuất con giống,....Do vậy, Ban lãnh đạo xác định tách bạch các mảng của Công ty để điều hành mạng lưới sao cho hiệu quả nhất theo đó Công ty mẹ và các phòng ban đầu não chủ yếu mang tính hỗ trợ là chính, không đặt nặng vào vấn đề sản xuất và phân phối mà chủ yếu đứng ra thiết lập chuẩn mực, đi quan hệ tìm kiếm đối tác để đưa và phân bổ về cho các Công ty con, liên doanh.

Theo đó, năm 2020, tổng doanh thu thuần Công ty mẹ ghi nhận giá trị 11 tỷ đồng với doanh thu đến chủ yếu từ hoạt động cung cấp dịch vụ đạt 9 tỷ chiếm 82%. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, doanh thu ghi nhận 53 tỷ đồng, tăng cao so với cùng kỳ năm ngoái (6T/2020: 3 tỷ đồng).

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2019		Năm 2020		6T/2021	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Bán hàng hóa	-	-	99.987	7,02%	-	-
Bán thành phẩm	923.225	97,07%	1.306.945	91,74%	861.139	92,34%
Cung cấp dịch vụ	26.293	2,76%	15.076	1,06%	70.126	7,52%
Bán phụ phẩm	1.614	0,17%	2.579	0,18%	1.290	0,14%
Tổng cộng	951.132	100%	1.424.587	100%	932.555	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2019-2020; BCTC hợp nhất Quý II/2021

Năm 2019, doanh thu thuần hợp nhất đạt 951 tỷ, trong đó, doanh thu từ hoạt động bán thành phẩm chiếm tỷ trọng lớn nhất đạt 923 tỷ chiếm 97% doanh thu cả năm 2019. Đây là nguồn doanh thu đóng vai trò chủ lực của Công ty. Các hoạt động còn lại như bán phụ phẩm, dịch vụ gia công chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu hợp nhất.

Bước sang năm 2020, doanh thu thuần hợp nhất Công ty đạt được là 1.424 tỷ, tăng 49% so với năm 2019 do việc sớm kiểm soát được dịch covid 19 cùng với ưu đãi từ EVFTA có hiệu lực làm gia tăng sản lượng xuất khẩu. Doanh thu từ hoạt động bán thành phẩm vẫn là doanh thu chính đóng góp trên 90% tổng doanh thu. Còn lại, doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và bán phụ phẩm chiếm tỷ trọng lần lượt là 7%, 1,1% và 0,2% doanh thu thuần.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, tổng doanh thu thuần đạt 932,5 tỷ. Trong đó, doanh thu từ hoạt động bán thành phẩm chiếm tỷ trọng lớn nhất chiếm trên 90% doanh thu.

❖ **Cơ cấu lợi nhuận gộp**

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2019		Năm 2020		6T/2021	
	Giá trị	Biên LNG (%)	Giá trị	Biên LNG (%)	Giá trị	Biên LNG (%)
Bán hàng hóa	28.268	21,74%	602	31,26%	113	0,35%
Bán thành phẩm	2.046	33,76%	-	-	-	-
Cung cấp dịch vụ	336	100,00%	3.995	43,72%	5.333	25,13%

Tổng cộng	30.650	22,46%	4.597	41,55%	5.446	10,16%
------------------	---------------	---------------	--------------	---------------	--------------	---------------

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2019-2020; BCTC Công ty mẹ Quý II/2021

Năm 2019, lợi nhuận gộp Công ty mẹ đạt giá trị 30,6 tỷ đồng. Trong đó mảng hoạt động chiếm tỷ trọng lớn nhất là bán hàng hóa với giá trị là 28,2 tỷ đồng với biên lợi nhuận gộp đạt 21,73%. Năm 2020, do thay đổi định hướng hoạt động, cùng với việc giảm doanh thu, lợi nhuận gộp Công ty mẹ giảm còn 4,6 tỷ đồng, tuy nhiên biên lợi nhuận gộp ghi nhận sự gia tăng từ 22,52% lên 41,55%. Ngoài ra, do việc bán toàn bộ thành phẩm tồn kho cho Công ty con nên trong năm Công ty không phát sinh lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm, lợi nhuận gộp trong năm chủ yếu đến từ hoạt động cung cấp dịch vụ với giá trị 4 tỷ. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, lợi nhuận gộp Công ty mẹ đạt 5,4 tỷ trong đó mức biên lợi nhuận gộp là 10,16%.

Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận gộp – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2019		Năm 2020		6T/2021	
	Giá trị	Biên LNG (%)	Giá trị	Biên LNG (%)	Giá trị	Biên LNG (%)
Bán hàng hóa	-	-	-	-	-	-
Bán thành phẩm	192.467	20,85%	179.755	13,75%	109.675	12,71%
Cung cấp dịch vụ	6.554	24,93%	6.051	40,14%	2.392	3,41%
Bán phụ phẩm	1.614	100,00%	2.579	100,00%	1.290	100%
Tổng cộng	200.635	21,09%	188.385	13,22%	113.357	12,13%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2019-2020; BCTC hợp nhất Quý II/2021

Lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2019 ghi nhận giá trị là 200,6 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp đạt 21,09%. Trong đó, hoạt động bán thành phẩm là hoạt động chủ lực đóng góp 192 tỷ lợi nhuận gộp với mức biên lợi nhuận gộp 20%. Các hoạt động khác như cung cấp dịch vụ, bán phụ phẩm có lợi nhuận gộp chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Năm 2020, lợi nhuận gộp hợp nhất đạt giá trị 188,4 tỷ đồng, giảm 6,1%. Biên lợi nhuận gộp giảm từ 21,09% năm 2019 xuống 13,22% năm 2020. Điều này xuất phát từ việc doanh thu tăng nhưng giá bán xuất khẩu khó tăng do nhu cầu tiêu thụ tại các khu vực như nhà hàng, khách sạn, khu du lịch,... có phần hạ nhiệt cũng như việc người tiêu dùng chuyển sang lựa chọn các sản phẩm ở phân khúc trung cấp, giá bán thấp hơn trong bối cảnh thu nhập giảm. Bên cạnh đó, trong 6 tháng đầu năm ảnh hưởng từ đại dịch covid 19 trên toàn cầu việc giãn cách và cấm vận khiến logistics bị hạn chế khiến công ty gia tăng thêm các chi phí trong phòng chống dịch (thu mua, làm trữ, đảm bảo việc làm, đảm bảo an sinh xã hội) cũng đẩy giá vốn lên cao.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, lợi nhuận gộp hợp nhất đạt 113,4 tỷ tăng 26,4% so với cùng kỳ (6T/2020: 89,7 tỷ).

10.2. Tài sản

Bảng 9: Tài sản cố định – Công ty mẹ tại 30/06/2021

Đơn vị: triệu đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
I	TSCĐ hữu hình	15.100	13.994	92,68%
	Máy móc thiết bị	15.000	13.994	92,68%
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	-	-	-
II	TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
II	TSCĐ vô hình	-	-	-
III	Bất động sản đầu tư	-	-	-
	Tổng	15.100	13.994	92,68%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Quý II/2021

Bảng 10: Tài sản - Hợp nhất tại 30/06/2021

Đơn vị: triệu đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
I	TSCĐ hữu hình	586.635	295.121	50,31%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	201.181	111.768	55,56%
2	Máy móc, thiết bị	339.387	160.990	47,44%
3	Phương tiện vận tải	42.591	21.388	50,22%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.476	975	28,05%
II	TSCĐ thuê tài chính	45.424	26.807	59,02%
II	TSCĐ vô hình	5.969	450	7,54%
1	Quyền sử dụng đất	5.011	94	1,88%
2	Phần mềm máy tính	958	356	37,16%
III	Bất động sản đầu tư	-	-	-
	Tổng	638.028	322.378	50,53%

Nguồn: BCTC Hợp nhất Quý II/2021

Bảng 11: Tình hình sử dụng đất đai

TT	Khu đất	Diện tích sử dụng (m ²)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn thuê
1	GCNQSD: CT		- Khu Văn Phòng Cty		Nhà	

	00515 (17/8/2015) – Cà Mau	14.928,8	- Khu công viên - Khu Nhà máy xử lý nước thải, thùy đài, sửa chữa, kho vật tư, bảo vệ - Nhà máy Xí nghiệp 2 - Kho vật tư, bao bì - Kho lạnh: - Kho 200T - Kho 75T	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	39 năm từ 2015
2	GCNQSD: CT 00643(28/07/2016) – Cà Mau	6.734,0	- Nhà máy Xí nghiệp 4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	39 năm từ 2016
3	GCNQSD: CT 05471(15/10/2020) – Cà Mau	25.448,5	- Nhà máy Xí nghiệp 5 - Kho lạnh 1500 tấn - Nhà máy xử lý nước thải	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	23 năm từ 2020
4	CT32431	2.292,2	- Kho lạnh 500 tấn	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	34 năm từ 2014

Nguồn: CTCP Camimex Group

10.3. Thị trường hoạt động

Bảng 12: Cơ cấu thị trường xuất khẩu qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

TT	Thị trường	Năm 2019		Năm 2020	
		Doanh thu	Lợi nhuận gộp	Doanh thu	Lợi nhuận gộp
I	Nước ngoài	909.511	194.293	1.258.302	180.780
1	Châu Âu	534.971	133.667	887.661	150.774
2	Canada	68.359	18.328	65.288	6.170
3	Hàn Quốc	209.272	33.332	253.914	18.664
4	Nhật	49.964	1.306	15.723	1.287
5	Trung Đông	9.824	1.891	7.125	0,722
6	Úc	10.639	2.053	12.651	2.001
7	Khác	26.483	3.716	15.941	1.162
II	Trong nước	41.621	6.341	166.285	7,603

TT	Thị trường	Năm 2019		Năm 2020	
		Doanh thu	Lợi nhuận gộp	Doanh thu	Lợi nhuận gộp
	Tổng cộng	951.132	200.634	1.424.587	188.385

Nguồn: CTCP Camimex Group

Hiện tại sản phẩm của CMX đã có mặt tại 25 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Năm 2019 Công ty ghi nhận doanh thu thuần khu vực nước ngoài đạt 909 tỷ chiếm 95,62% tổng doanh thu. Năm 2020 nhờ nguồn cung tôm trong nước ổn định trong khi đó đối thủ cạnh tranh thiếu hụt nguồn cung do dịch covid-19 đã tạo điều kiện thuận lợi để Công ty đẩy mạnh đơn hàng xuất khẩu, hoạt động xuất khẩu nước ngoài đạt 1.258 tỷ chiếm 88,3% tổng doanh thu với lợi nhuận 181 tỷ. Trong đó, với lợi thế là công ty sở hữu vùng nuôi sinh thái đầu tiên trên thế giới và là duy nhất tại Việt Nam đạt tiêu chuẩn Châu Âu 834/07 và 889/08 do vậy trong những năm qua Châu Âu vẫn là những thị trường xuất khẩu truyền thống chiếm tỷ trọng lớn nhất (chiếm trên 60%) trong cơ cấu doanh thu xuất khẩu của Công ty. Đặc biệt khi hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) có hiệu lực, thuế xuất khẩu tôm từ Việt Nam sang EU sẽ được cắt giảm xuống 0% trong khi đó Ấn Độ - đối thủ cạnh tranh lớn của Việt Nam tại thị trường EU hiện gặp khó khăn về tiêu chuẩn dư lượng kháng sinh, hứa hẹn sẽ là những cơ hội để doanh thu tại thị trường EU của Công ty sẽ tiếp tục tăng trưởng. Năm 2020, doanh thu từ thị trường châu Âu đạt 887 tỷ tăng 66% so với năm 2019.

Bên cạnh Châu Âu, Hàn Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Công ty nhờ việc tận dụng ưu đãi VFKTA (Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc). Trong năm qua, doanh thu xuất khẩu của CMX vào thị trường này đạt 254 tỷ. Ngoài hai thị trường chính Châu Âu và Hàn Quốc, Công ty cũng xuất khẩu sang các thị trường khác như Nhật Bản, Mỹ, Australia, Canada,...nhưng thị phần không nhiều.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành

❖ Xí nghiệp sản xuất

Camimex Group hiện đang sở hữu 3 xí nghiệp chế biến thủy sản với tổng công suất 18.800 tấn/năm. Với công suất hiện tại của các Xí nghiệp, Công ty đánh giá không đủ để đáp ứng kịp thời các đơn hàng lớn do nhu cầu tăng cao các mặt hàng tôm sinh thái, tôm tẩm bột, tôm shushi từ thị trường Châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản. Do vậy, để phát huy hết khả năng hiện có, Công ty không ngừng cải tạo, nâng cấp để đáp ứng được chiến lược phát triển của công ty cũng như yêu cầu từ khách hàng.

Hình 3: Xí nghiệp sản xuất

Xí nghiệp chế biến thủy sản số 2

- **Vị trí:** Khóm 2, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- **Quy mô:** 14.928,8 m²
- **Mặt hàng chủ yếu:** tôm PTO tươi, tôm PTO hấp, Tôm tằm bột, tôm shushi



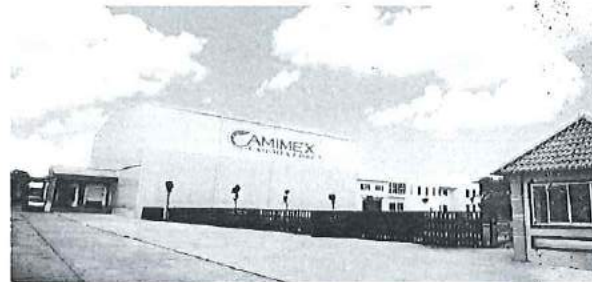
Xí nghiệp chế biến thủy sản số 4

- **Vị trí:** 224 Cao Thắng, khóm 2, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- **Quy mô:** 6.734 m²
- **Mặt hàng chủ yếu:** Tôm Nobashi, Tôm tằm bột, Tôm Block, tôm PTO tươi



Xí nghiệp thủy sản số 5

- **Vị trí:** 999 Lý Thường Kiệt, phường 6, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- **Quy mô:** 25.448,5 m²
- **Mặt hàng chủ yếu:** Tôm PTO, PD tươi; Tôm PTO, PD hấp; tôm tằm bột



❖ Khu nuôi tôm sinh thái

Là nơi duy nhất trên cả nước đạt chuẩn nuôi tôm sinh thái xuất khẩu sang thị trường Châu Âu, chính vì lẽ đó đã từ lâu Camimex được mệnh danh là “Vua tôm sinh thái”. Camimex là đơn vị tiên phong trong ngành thay đổi định hướng sản xuất từ phong trào nuôi tôm công nghiệp có tác động mạnh tới biến đổi môi trường rừng ngập mặn, sang hướng sản xuất sinh thái bền vững, thân thiện với môi trường, vừa củng cố diện tích rừng ngập mặn, vừa tạo và nâng cao thu nhập cho người nông dân. Công ty là đơn vị đầu tiên của Việt Nam triển khai tôm sinh thái từ năm 2000 và đạt được chứng nhận tôm sinh thái do Naturland, EU Organic, Bio Suisse cao cấp cho sản phẩm tôm sinh thái (từ con giống cho tới bàn ăn).

Hình 4: Tôm sinh thái Camimex



Tôm sinh thái là tôm nuôi tự nhiên trong rừng ngập mặn, với tỷ lệ rừng che phủ khoảng 60%, còn lại 40% là diện tích nuôi tôm. Tôm sinh sống, tăng trưởng tự nhiên, không cần cho ăn, không sử dụng hóa chất hay kháng sinh. Công ty hiện quản lý vùng nuôi tôm sinh thái liên kết tại Cà Mau với diện tích hơn 7.000 ha. Không giống như nuôi tôm công nghiệp, nuôi tôm sinh thái được thả với mật độ thưa, chi phí đầu tư thấp, không tốn nhân công, không cần cho ăn. Tôm sinh trưởng tự nhiên trong rừng ngập mặn. Tính tổng chi phí, người nuôi giảm giá thành trong nuôi tôm đến hơn 50%, trong khi giá bán ra cho các doanh nghiệp cao hơn hẳn tôm nuôi công nghiệp. Các sản phẩm sinh thái của CMX ngày càng được ưa chuộng lại không bị các hàng rào vệ sinh an toàn thực phẩm, dễ dàng thâm nhập vào các thị trường khó tính.

❖ Các Công ty con, liên doanh, liên kết

Để nâng cao quy mô, mở rộng mạng lưới, năng lực sản xuất và xây dựng chuỗi giá trị từ con giống đến bàn ăn, Camimex Group trong những năm qua đã góp vốn để thành lập hàng loạt các Công ty khác như: CTCP Camimex – chế biến thủy sản, CTCP Camimex Logistics – kho bãi, hàng hóa, Công ty TNHH Camimex Organic – nuôi trồng thủy sản biển, CTCP Camimex Foods – chế biến bảo quản thủy sản, CTCP Camimex Nutrition – cung cấp lương thực phẩm, CTCP Camimex Quảng Trị - nuôi trồng thủy sản biển. Kết quả hoạt động tại 3 công ty con năm 2020 như sau:

Bảng 13: Kết quả kinh doanh các Công ty con năm 2020

	CTCP Camimex	CTCP Camimex Logistics	Đơn vị: triệu đồng Công ty TNHH Camimex Organic
Tổng tài sản	1.686.724	19.401	93.542
Doanh thu thuần	1.418.064	19.121	46.086
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	69.817	161	(2.480)
Lợi nhuận khác	(3.834)	(22)	3.530
Lợi nhuận trước thuế	65.983	139	1.050
Lợi nhuận sau thuế	57.970	108	837

Nguồn: CTCP Camimex Group

10.5. Các hợp đồng lớn

Bảng 14: Danh mục một số hợp đồng Công ty đã ký kết và đang thực hiện

TT	Tên hợp đồng	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn	Thời gian ký kết	Sản phẩm cung cấp	Giá trị (USD)	Thời gian thực hiện	Tình trạng
1	CAM-HTF.2019.01	H.T.FOODS PVT	Không	01/03/2019	PD	1.952.880	4-12/2019	Đã thực hiện
2	CAM-2019.06	TRANSGOURMET	Không	10/04/2019	PD, PTO	301.105	6/2019	Đã thực hiện
3	01-2019	COOP	Không	25/04/2019	PTO, PD	170.000	6/2019	Đã thực hiện
4	7220008712	DKSH	Không	22/05/2019	PTO, PD	184.800	7/2019	Đã thực hiện
5	02-2019	COOP	Không	28/05/2019	PTO, PD	324.900	8/2019	Đã thực hiện
6	COOP PO.05	COOP	Không	01/01/2020	RPD, CPD, CPTO, EZP	8.990.210	6/2020	Đã thực hiện
7	COOP PO.06	COOP	Không	01/01/2020	HOSO, HLISO, CPD, CPTO	2.115.910	6/2020	Đã thực hiện
8	COOP PO.07	COOP	Không	01/01/2020	Breaded	198.000	6/2020	Đã thực hiện
9	SEOHA PO.03	SEOHA	Không	08/07/2020	PTO, PD	205.175	9/2020	Đã thực hiện
10	YUUN MEE PO.07	YUUN MEE	Không	14/07/2020	CPTO, CPD, PD, Breaded, Blanched EZP	132.318,9	8/2020	Đã thực hiện
11	CAM-2021 01	TransGourmet	Không	06/01/2021	PD, PTO - HLSE - HOSO	4.709.400	Trong năm 2021	Đang thực hiện
12	01/2021 CMX - HAFRO	Hamburger	Không	22/12/2020	PD - HLSE - HOSO	3.487.350	Trong năm 2021	Đang thực hiện
13	03-2021	Coop	Không	24/12/2020	PD, PTO - HLSE	13.090.000	Trong năm 2021 & 01/2022	Đang thực hiện
14	02-2021	Coop	Không	24/12/2020	PD, PTO - HLSE -	13.472.030	Trong năm	Đang thực hiện

TT	Tên hợp đồng	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn	Thời gian ký kết	Sản phẩm cung cấp	Giá trị (USD)	Thời gian thực hiện	Tình trạng
					HOSO - HLSO		2021 & 01/2022	
15	01-2021	Coop	Không	24/12/2020	PD, PTO - HLSE - HLSO	8.762.720	Trong năm 2021 & 01/2022	Đang thực hiện

Nguồn: CTCP Camimex Group

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 15: Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

TT	Tên	Giá trị giao dịch	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn
1	HT.FOOD	3.861.700,94 USD	2019	Xuất khẩu tôm đông lạnh	Không
2	JAESUNG TRADING	1.705.440 USD	2019	Xuất khẩu tôm đông lạnh	Không
3	Cty TNHH MTV XNK TS Thiên Mã Quỳnh	526.761.941.542 VNĐ	2019	Mua-bán tôm nguyên liệu	Không
4	Cty TNHH MTV Bùi Ngọc Trâm	320.306.645.924 VNĐ	2019	Mua-bán tôm nguyên liệu	Không
5	THALASSA	83.328 USD	2020	Xuất khẩu tôm đông lạnh	Không
6	Cty Cổ Phần Camimex Foods	141.445.233.286 VNĐ	2020	Mua-bán tôm nguyên liệu	Công ty con
7	Công ty TNHH MTV XNK Nhất Phát	14.657.534.871 VNĐ	2020	Mua-bán tôm nguyên liệu	Không
8	Công ty CP XNK Thủy sản Nhất Phát	34.300.000.000 VNĐ	2021	Mua-bán tôm nguyên liệu	Không
9	COOP	1.094.744	2021	Xuất khẩu tôm đông lạnh	Không
10	HT.FOOD	2.620.800 USD	2021	Xuất khẩu tôm đông lạnh	Không

Nguồn: CTCP Camimex Group

10.7. Vị thế của CMX trong ngành

10.7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Hoạt động trong một lĩnh vực tập trung rất nhiều doanh nghiệp lớn và nhỏ với sự cạnh tranh khá gay gắt của ngành thủy sản Việt Nam, Công ty luôn luôn ý thức được vị thế của mình trong ngành để từ đó có những kế hoạch hợp lý, những quyết sách đúng đắn nhằm giữ vững và ngày một nâng cao vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác. Trải qua hơn 40 năm thăng trầm hoạt động, Camimex không những giữ vững được vị thế của mình là một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu tôm mà còn mở rộng được quy mô, tăng hiệu quả hoạt động gắn với phát triển bền vững. Thương hiệu của Công ty đã được thị trường nhiều nước trên thế giới biết đến, đặc biệt là thị trường Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc. Từ đó, CMX ngày càng khẳng định thương hiệu và vị thế của mình trong ngành xuất khẩu tôm với những thế mạnh không thể không kể đến:

❖ Về chuỗi giá trị tôm khép kín



Trại giống sinh thái: gần 7 ha 408 triệu Post/năm	Khu nuôi sinh thái: 790,5 ha, sản lượng 227 tấn/năm Liên kết nông hộ: 6.034 ha; sản lượng 1.859 tấn/năm. Diện tích liên kết có thể mở rộng lên 50.000 ha	Công suất: 11.600 tấn/năm Năm 2020 mở rộng lên 18.800 tấn/năm Kho vật tư: 1.554 m ² Nhân lực: 1.108 công nhân lạnh nghề	Kho lạnh: trên 2.850 tấn thành phẩm tại Cà Mau Sản phẩm được xuất khẩu hơn 25 quốc gia và vùng lãnh thổ
--	---	---	--

❖ Về chất lượng sản phẩm

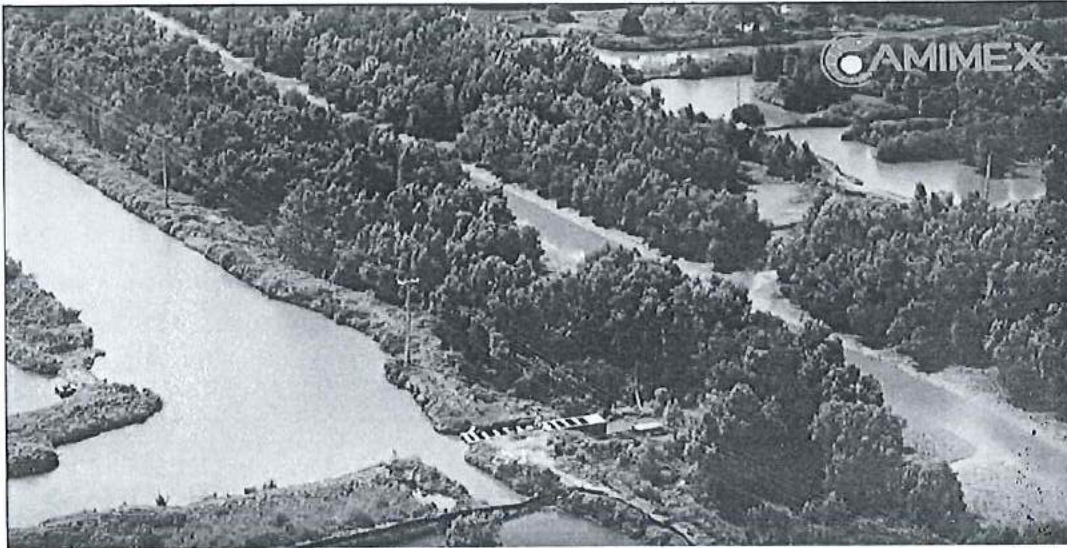
CMX là một trong những doanh nghiệp đầu tiên trên thế giới đạt chứng nhận Organic cho một chuỗi sinh thái: từ trại giống sinh thái đến vùng nuôi sinh thái và sản phẩm sinh thái (từ con giống đến bàn ăn). Công ty cũng là doanh nghiệp duy nhất của Việt Nam đạt chứng nhận Organic này. (1) EU Organic cho chuỗi sản phẩm sinh thái: chứng nhận hữu cơ liên minh châu Âu do Control Union Certifications, chứng nhận sản phẩm tôm sinh thái đảm bảo quy trình nuôi trồng từ con giống đến tôm trưởng thành, nhà máy chế biến tuân thủ theo bộ tiêu chuẩn EU Organic (EC 834/2007 và 889/2008).

(2) Naturland cho chuỗi sản phẩm sinh thái: chứng nhận hữu cơ của hiệp hội Naturland Đức. Để đạt chứng nhận Naturland, ngoài việc hoạt động nuôi tôm đáp ứng các yêu cầu hữu cơ như tiêu chuẩn Organic, doanh nghiệp nuôi tôm còn cần tuân thủ cơ chế quản trị môi trường dựa vào thị trường trong đó bảo vệ rừng ngập mặn là một yêu cầu bắt buộc. Tôm sinh thái được cấp chứng nhận Naturland, Bio Suisse khi xuất khẩu vào thị trường Thụy Sĩ, nhà xuất khẩu sẽ nhận được

phần thưởng sinh thái là 5% giá trị đơn hàng từ Chính phủ.

(3) Mật độ thả con giống của Camimex chỉ khoảng 1- 2 con/m² nhỏ hơn rất nhiều so với mức tối đa mà Naturland cho phép 15 con/m²

Hình 5: Khu nuôi tôm sinh thái Camimex



Với sản phẩm tôm sinh thái tỷ lệ lợi nhuận doanh nghiệp thu được sẽ cao hơn 30% so với sản phẩm tôm công nghiệp. Hơn nữa, giá cả và nhu cầu sản phẩm tôm sinh thái ổn định và tốt hơn so với tôm công nghiệp

❖ **Lợi thế về công nghệ**

Dây chuyền máy móc của CMX liên tục được nâng cấp, áp dụng các cải tiến kỹ thuật. Đặc biệt, hơn 90% máy móc thiết bị của Công ty được sản xuất theo công nghệ Nhật Bản, làm giảm hao hụt trong quá trình chế biến thành phẩm so với công nghệ đến từ các nước khác. Cụ thể, tỷ lệ hao hụt chưa tới 3% trong khi tỷ lệ trung bình của các doanh nghiệp cùng ngành lên đến 5%.

❖ **Lợi thế về hệ thống khách hàng lớn**

Công ty đã có hơn 40 năm hoạt động kinh doanh trong ngành thủy sản được thừa hưởng một mạng lưới khách hàng lớn, đa dạng. Hiện tại, các sản phẩm của Công ty đã có mặt tại 25 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó thị trường lớn nhất của Công ty là ở EU (Thụy Sĩ, Đức, Hà Lan...). Nhu cầu của khách hàng hiện tại rất lớn, chỉ riêng một đối tác Thụy Sĩ của Công ty đã ký đơn hàng 35 triệu USD cho năm 2020. Do vậy, Công ty đang tích cực nâng cao công suất để đáp ứng cho các đơn hàng.

10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

❖ **Vị thế ngành tôm Việt Nam**

Với đặc điểm bờ biển dài hơn 3,260 km, Việt Nam có vùng đặc quyền kinh tế trên biển rộng hơn 1 triệu km². Việt Nam cũng có vùng mặt nước nội địa lớn rộng hơn 1,4 triệu ha nhờ hệ thống sông ngòi, đầm phá dày đặc. Trữ lượng hải sản ở Việt Nam ước tính có khoảng 4,2 triệu tấn và nguồn tái tạo là khoảng 1,73 triệu tấn. Vị trí và điều kiện tự nhiên giúp nước ta có tiềm năng phát

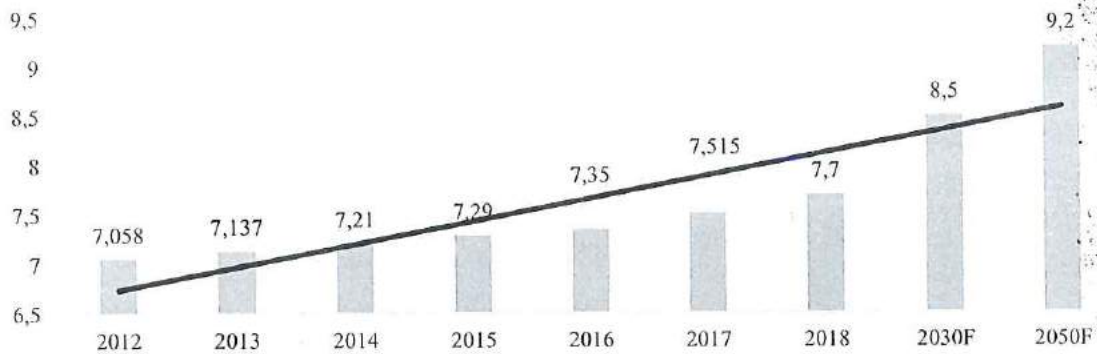
triển ngành nuôi trồng và chế biến thủy sản vô cùng lớn.

Năm 2020, trong bối cảnh xuất khẩu thủy sản suy giảm về giá trị, nhưng xuất khẩu tôm năm 2020 vẫn đạt 3,85 tỷ USD, tăng 15% so với năm 2019. Mặt hàng tôm đã xuất khẩu đến 135 thị trường và có tới 508 doanh nghiệp xuất khẩu. Các thị trường lớn giữ được mức độ tăng trưởng khả quan là: Mỹ tăng 33%; EU tăng 6,1%; Hàn Quốc tăng 3,3% và Anh tăng 20,1%

❖ Nhu cầu và Diện tích nuôi trồng thủy sản gia tăng

Dựa trên báo cáo của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO), đến năm 2050, dân số thế giới sẽ vượt 9 tỷ người. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được duy trì giúp gia tăng tầng lớp trung lưu. Theo đó, tiêu thụ thủy sản nuôi trồng sẽ gia tăng. Nếu tốc độ tiêu thụ vẫn giữ nguyên như hiện nay thì sản lượng thủy sản phải tăng thêm 56% nữa mới đáp ứng đủ nhu cầu.

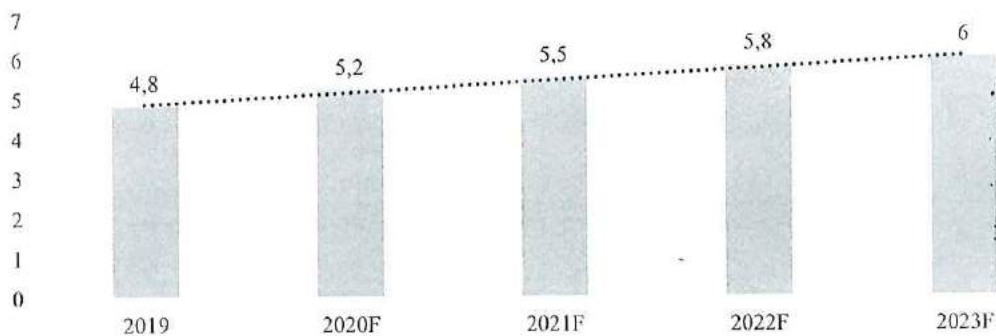
Biểu đồ 5: Dân số thế giới



Nguồn: FAO

Theo dự báo của PShrimp panel estimates, nhu cầu tiêu thụ tôm của thị trường trên toàn thế giới dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng với CAGR khoảng 5,7% trong 5 năm tới.

Biểu đồ 6: Ước tính nhu cầu tiêu thụ tôm thế giới (Đơn vị: triệu tấn)



Nguồn: VASEP, PShrimp panel estimates

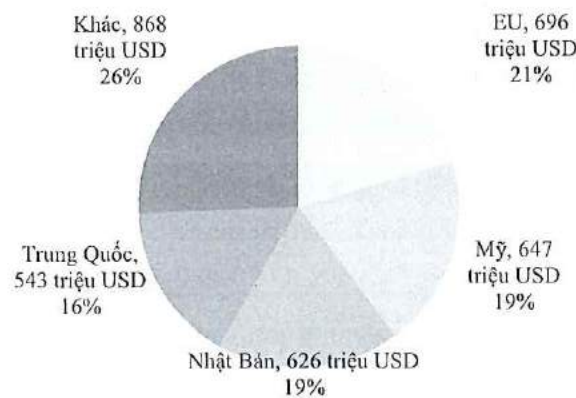
Tuy đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng dự báo thị trường xuất khẩu năm này cũng mở ra nhiều hướng đi mới và tín hiệu tích cực cho nghề nuôi tôm. Trong đó, theo VASEP, dự báo xuất khẩu tôm của Việt Nam sang EU sẽ tăng ở mức khả quan nhất là 15%, đạt 800 triệu USD xuất khẩu tôm Việt Nam sang Mỹ dự báo sẽ tăng khoảng 7%, đạt mức 700 triệu USD trong năm 2020. Ngoài ra, tại các thị trường lớn khác như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... vẫn duy

trị được mức tăng trưởng ổn định. Cụ thể, xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản sẽ đạt mức khoảng 620 triệu USD, Trung Quốc khoảng 600 triệu USD, Hàn Quốc ở mức khoảng 350 triệu USD.

❖ Triển vọng khả quan từ thị trường EU

EU hiện là thị trường xuất khẩu tôm lớn nhất của Việt Nam. Năm 2019, lượng tôm xuất khẩu sang EU đạt 696 triệu USD, chiếm 21% tổng kim ngạch. Tháng 8/2020, Hiệp định EVFTA (Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU) chính thức có hiệu lực được kỳ vọng sẽ tạo điều kiện để xuất khẩu tôm từ Việt Nam tăng trưởng mạnh vào thị trường tiềm năng này. Cụ thể ngay khi EVFTA có hiệu lực, một số mặt hàng tôm Việt Nam xuất khẩu sang châu Âu có mức thuế 12 - 20% sẽ về 0% như tôm sú đông lạnh. Sau 5 - 7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, một số mặt hàng tôm khác sẽ được điều chỉnh về 0%, trong khi các đối thủ cạnh tranh tại các quốc gia như Ấn Độ, Thái Lan,... không có được lợi thế này.

Biểu đồ 7: Cơ cấu thị trường xuất khẩu tôm của Việt Nam 2019



Nguồn: VASEP

Bảng 16: Thuế xuất khẩu tôm Việt Nam và các đối thủ cạnh tranh

Sản phẩm	Việt Nam		Ấn Độ	Ecuado	Indonesia	Thái Lan
	Trước EVFTA	Sau EVFTA				
Tôm sú đông lạnh	4%	0%	4%	12%	4%	12%
Tôm thẻ chân trắng đông lạnh	4%	0%	12%	12%	4%	12%
Tôm chế biến	7%	0%	7%	20%	7%	20%

Nguồn: VASEP

10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành,

chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

Nắm bắt được triển vọng phát triển của ngành thủy sản nói chung và xuất khẩu tôm nói riêng, song song với đó đánh giá những điểm mạnh và điểm yếu hiện có của Công ty, Ban lãnh đạo của Camimex đã đề ra phương hướng sản xuất kinh doanh trong những năm tới là:

- Phát triển nuôi tôm kết hợp với rừng ngập mặn (tôm - rừng) Loại hình nuôi tôm - rừng có nhiều tiềm năng và lợi thế của tỉnh Cà Mau, đối tượng nuôi chủ yếu là tôm sú. Phát triển loại hình nuôi tôm - rừng theo hình thức sinh thái, hữu cơ có chứng nhận quốc tế cho sản phẩm sạch, được thị trường chấp nhận sẽ nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- Phát triển nuôi tôm siêu thâm canh, thâm canh (tôm chân trắng) ở những khu vực có điều kiện tự nhiên thuận lợi, hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ để sản xuất tạo khối lượng sản phẩm lớn. Phát triển nuôi tôm sinh thái (tôm sú) quy mô lớn, trong vùng quy hoạch để tạo sản phẩm giá trị cao cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và theo thứ tự ưu tiên để đảm bảo sử dụng hiệu quả nhất nguồn vốn; đa dạng hóa hình thức đầu tư và thu hút nguồn vốn từ nhiều thành phần kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp vào phát triển ngành tôm của tỉnh.
- Đưa khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao (tôm sinh thái, hữu cơ, có chứng nhận v.v.), giảm giá thành sản xuất để tăng khả năng cạnh tranh tiêu thụ sản phẩm, hướng tới không sử dụng hóa chất, kháng sinh ở tất cả các phương thức nuôi và các khâu trong chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.
- Áp dụng công nghệ mới, tiên tiến trên thế giới vào chế biến, bảo quản sản phẩm để nâng cao giá trị, chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và đáp ứng yêu cầu của các nước nhập khẩu.
- Tổ chức lại sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết để tạo vùng nguyên liệu lớn, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh tiêu thụ sản phẩm tôm Cà Mau.
- Chủ động sản xuất, kiểm soát chất lượng và tổ chức cung ứng đủ tôm giống đảm bảo chất lượng để phục vụ sản xuất trong tỉnh. Chủ động phát triển công nghiệp phụ trợ, cung ứng vật tư, dịch vụ hậu cần để thúc đẩy ngành tôm trong tỉnh phát triển.
- Phát triển sản xuất gắn với mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; xây dựng thương hiệu sản phẩm tôm Cà Mau đa dạng, đặc sắc trên thị trường thế giới và trong nước

Với vị thế của Công ty cùng những tiềm năng phát triển của ngành thủy sản, việc quan tâm, chú trọng đến nguồn nhân lực cũng như đẩy mạnh đầu tư máy móc, thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất, đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường là một sự chuẩn bị chắc chắn cho quá trình phát triển sắp tới của CMX. Có thể thấy định hướng phát triển của CMX là khá phù hợp với tình hình hiện nay của ngành thủy sản Việt Nam cũng như xu thế chung trên thế giới.

10.8. Hoạt động Marketing

❖ Chính sách giá cả

Giá cả sản phẩm là yếu tố đặc biệt quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh

của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty quản lý sát sao chi phí nguyên vật liệu đầu vào cũng như bộ máy sản xuất, quản lý, do đó giá thành của thành phẩm ở mức phù hợp và có tính cạnh tranh trên thị trường, chính vì lý do này mà giá cả sản phẩm của Công ty luôn được thị trường trong và ngoài nước chấp nhận.

Công ty không cạnh tranh bằng sản phẩm giá rẻ mà sản xuất hàng chất lượng cao, giá thành phù hợp. Công ty tập trung vào thị trường ngách với sản phẩm chất lượng, khó bắt chước như mặt hàng tôm sinh thái.

❖ Chiến lược sản phẩm

Về sản phẩm, Công ty cùng với nhà phân phối tìm hiểu nhu cầu thị trường và sản xuất các mặt hàng đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Công ty hiện đang tập trung phân phối vào Châu Âu, Hàn Quốc, Nhật, Canada. Đây là thị trường truyền thống của Công ty đặc biệt là thị trường Châu Âu có tốc độ tăng trưởng cao, ổn định.

Do thị trường tiêu thụ của Công ty là những thị trường có nền kinh tế phát triển, đời sống của người tiêu dùng cao nên công ty đã xây dựng nên thương hiệu tôm sinh thái Camimex với chất lượng vượt trội được người tiêu dùng các nước Châu Âu đón nhận. Sản phẩm của công ty không chỉ đảm bảo về dinh dưỡng mà còn tuyệt đối an toàn vệ sinh thực phẩm. Công ty đã lấy chất lượng sản phẩm làm cam kết xuyên suốt trong quá trình hình thành và phát triển của mình. Công ty luôn luôn thay đổi mẫu mã sản phẩm, bao bì cho phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

Thị trường Mỹ cũng là thị trường tiềm năng nhưng lại dùng các sản phẩm thông thường nên bị cạnh tranh lớn bởi các nước Ấn Độ, Ecuador... Công ty cũng sẽ tiếp cận thị trường này nhưng sẽ tập trung vào phân khúc cấp cao (tôm sinh thái, tôm giá trị gia tăng như tẩm bột, ring). Ngoài ra, công ty đã bắt đầu xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc cũng với chiến lược làm hàng chất lượng, giá trị cao, buôn bán chính ngạch với khách hàng uy tín để mở rộng thị phần.

Sản phẩm tôm sinh thái cấp cao được bán chủ yếu ở Thụy Sĩ. Tuy nhiên, để tăng trưởng mạnh mẽ thì thị trường không thể chỉ dừng lại ở Châu Âu mà còn phải phát triển ở Canada, Hong Kong, Trung Quốc. Công ty cũng đang mở rộng sản phẩm có chứng nhận quốc tế như ASC để đánh vào phân khúc thấp hơn sản phẩm sinh thái.

❖ Kênh phân phối

Kênh phân phối của Công ty chủ yếu là B2B, thông qua các hệ thống siêu thị, nhà hàng lớn ở nước ngoài.

Bảng 17: Một số khách hàng lớn của công ty

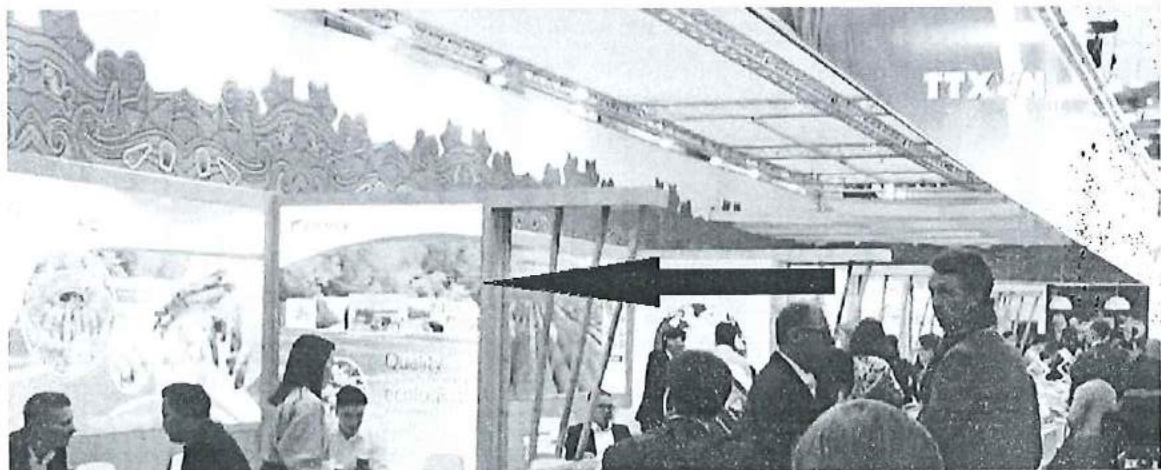
STT	Tên khách hàng	Quốc gia
1	COOP	Thụy Sĩ
2	TRANSGOURMET	Áo/Thụy Sĩ
3	H.T.FOODS	Canada
4	RASSAU	Đức
5	DKSH	Thụy Sĩ/Đức
6	GAPRO	Thụy Sĩ
7	GUIGEL	Pháp
8	OCEANS KOREA	Hàn Quốc
9	YUUN MEE	Áo
10	EIGER	Nhật Bản

❖ Phát triển thương hiệu

Thương hiệu là một chỉ tiêu sống còn mà Công ty đã đề ra trong tiến trình hội nhập và cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Do đó tên tuổi của Camimex được xây dựng và gìn giữ từ ngày đầu thành lập đến nay đã hơn 40 năm.

Phòng kinh doanh phối hợp cùng phòng quản lý chất lượng sản phẩm và các phòng ban, xí nghiệp trong công ty cùng đóng góp tạo nên sản phẩm chất lượng cũng như giao hàng đúng hẹn, từng bước tạo nên một giá trị thương hiệu bao gồm việc xây dựng kế hoạch chuẩn hóa và đồng nhất cho toàn bộ cái nhìn về marketing cũng như về quản lý thương hiệu để cho mỗi thành viên là một thương hiệu đích thực của công ty. Công ty luôn chủ động tham gia có chọn lọc các trưng trình hội chợ chuyên ngành trong và ngoài nước như: Vietfish, Hội chợ triển lãm quốc tế Thủy Sản Boston...

Hình 6: Showroom CMX tại Brussel, Bỉ



Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam

Công ty tập trung phát triển sản phẩm sạch, chất lượng cao nhất là các sản phẩm có chứng nhận BAP, ASC, Organic. Khi nhắc tới Công ty là khách hàng biết tới uy tín, chất lượng sản phẩm cao và đặc biệt là nhắc tới tôm sinh thái là biết là Camimex. Sự khác biệt thương hiệu Camimex ở chỗ vừa hiện đại lại vừa tự nhiên, luôn luôn đổi mới và phát triển. Công ty đưa ra cam kết thương

hiệu:

- ✓ An toàn
- ✓ Bền vững
- ✓ Đa dạng – toàn diện
- ✓ Nhanh chóng

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế



Nhãn hiệu của Công ty đã được đăng ký và bảo hộ theo đơn số 4-2018-15315 và được Cục Sở hữu trí tuệ chấp thuận theo quyết định số 221 ngày 22/06/2018.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Trong giai đoạn cạnh tranh ngày càng khốc liệt như hiện nay, việc nghiên cứu ra sản phẩm mới với giá trị gia tăng cao và chất lượng tốt về an toàn thực phẩm luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty để đẩy mạnh sự phát triển và chinh phục các thị trường khó tính như Mỹ, Nhật, EU. Camimex đã thành lập một ban chuyên môn nghiên cứu các sản phẩm mới, với đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ kinh nghiệm. Đó là tích cực đa dạng hóa các sản phẩm, khảo sát nhu cầu thị trường để từ đó lựa chọn cho Công ty các thị trường mục tiêu nhằm mang lại hiệu quả cao nhất. Hiện tại Công ty đang nghiên cứu và đưa ra những sản phẩm mới dịch chuyển các sản phẩm thô sang các mặt hàng giá trị gia tăng như tằm bột, marinate, filo... và các sản phẩm ăn liền như tempura, sushi, ring..... Đây là những mặt hàng chiếm 1/3 doanh số và lợi nhuận của Công ty.

Ngoài ra, Công ty đang nghiên cứu việc triển khai mô hình nuôi tôm công nghệ cao theo công nghệ RAS, tuần hoàn nước của Isarel với Công ty TNHH LD Công nghệ cao Camimex. Dự kiến khi mô hình đi vào hoạt động sẽ giúp Công ty gia tăng tỷ lệ tự chủ nguyên liệu với sản lượng 2.000 tấn tôm/năm.

10.11. Chiến lược kinh doanh

- Công ty có định hướng phát triển thành tập đoàn với nhiều công ty thành viên, mỗi công ty phụ trách một mảng riêng biệt, độc lập nhưng vẫn liên kết thành chuỗi giá trị, từ con giống tới bàn ăn (mảng nuôi tôm sinh thái, mảng nuôi thủy sản công nghệ cao, mảng chế biến xuất khẩu thủy sản).
- Công ty tiếp tục đầu tư, hoàn thiện thêm nhà máy chế biến tôm để nâng công suất chế biến tôm lên 20.000 tấn thành phẩm/năm. Bên cạnh đó, Công ty cũng đầu tư vào xây dựng nhà máy cá và kho lạnh ở công ty thành viên.
- Trong thời gian tới, Công ty sẽ cấu trúc lại công ty con (Công ty Cổ phần Camimex) để thành công ty đại chúng và niêm yết trên UPCOM, cùng với đó tìm kiếm nhà đầu tư cho

công ty con để tăng cường tiềm lực tài chính cũng như quy mô hoạt động kinh doanh.

- Ban lãnh đạo Camimex xác định tách bạch các mảng của Công ty để điều hành mạng lưới sao cho hiệu quả nhất theo đó Công ty mẹ và các phòng ban đầu não chủ yếu mang tính hỗ trợ là chính, không đặt nặng vấn đề sản xuất và phân phối mà chủ yếu đứng ra thiết lập chuẩn mực, đi quan hệ tìm kiếm đối tác để đưa và phân bổ cho các Công ty con, liên doanh.
- Công ty tiếp tục phát triển nuôi tôm kết hợp với rừng ngập mặn (tôm - rừng) theo hình thức sinh thái, hữu cơ có chứng nhận quốc tế cho sản phẩm sạch, được thị trường chấp nhận sẽ nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- Công ty liên tục đưa khoa học công nghệ vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, giảm giá thành sản xuất để tăng khả năng cạnh tranh, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và đảm bảo đáp ứng được yêu cầu khắt khe khi xuất khẩu sang các thị trường tiêu thụ.
- Trong vòng 5 năm tới, công ty đạt mục tiêu doanh số 250 triệu USD/năm. Nguồn vốn để nâng cấp mở rộng nhà máy sẽ từ lợi nhuận để lại và huy động thêm từ cổ đông hiện hữu hoặc chiến lược.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Cơ cấu lao động

Bảng 18: Cơ cấu lao động

Loại lao động	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I. Phân theo trình độ lao động	1.180	1.103	977
1. Trình độ trên đại học	1	1	1
2. Trình độ đại học	106	187	162
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	109	176	148
4. Công nhân kỹ thuật	12	62	46
5. Sơ cấp	11	52	23
6. Lao động khác	941	625	597
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao	1.180	1.103	977
1. Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3	3	42	74
2. Lao động không xác định thời hạn	1.125	989	796
3. Lao động trong thời gian thử việc	52	72	107

Nguồn: CTCP Camimex Group

11.2. Chính sách đối với người lao động

▪ Môi trường làm việc

Là doanh nghiệp sản xuất, chế biến hàng thủy sản xuất khẩu, công ty luôn xác định lực lượng lao động là nguồn lực quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển của công ty. Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng chế độ tiền lương, thưởng thỏa đáng cho người lao động, xây dựng

quy chế trả lương gắn liền với năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc...

Tổ chức tặng quà cho cán bộ, công nhân lao động, tổ chức thăm hỏi gia đình công nhân gặp hoàn cảnh khó khăn vào các ngày lễ, tết....

Công ty tổ chức xe đưa rước công nhân, tổ chức xe đưa rước công nhân miễn phí từ nhà đến nơi làm việc cho các công nhân ở xa không có điều kiện đi lại, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động an tâm làm việc, gắn bó lâu dài với công ty, góp phần tạo công ăn việc làm, góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo tại địa phương.

Công ty luôn quan tâm đến tổ chức các đoàn thể, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên hoạt động tại đơn vị, tổ chức nhiều phong trào hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ... nhằm tạo động lực cho người lao động hăng hái thi đua lao động sản xuất...

Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; coi trọng công tác thi đua khen thưởng với ý nghĩa là động lực quan trọng trong quá trình cống hiến và sáng tạo của mỗi con người trong công ty

Hình 7: Một số hình ảnh hoạt động của Công ty



Tổ chức tặng quà



Xe đưa đón NLD đi làm



Ngày hội thể thao

▪ **Chính sách tiền lương:**

Công ty trả lương dựa trên đơn giá tiền lương do Công ty xây dựng theo quy định của Nhà nước, ngoài ra công ty tham khảo mặt bằng lương trong khu vực đảm bảo tính cạnh tranh thu hút lao động và đảm bảo đời sống người lao động trong công ty.

Đối với nhân viên lao động gián tiếp Công ty xây dựng quy chế trả lương khoán cho từng vị trí công việc, mỗi vị trí công việc có nhiều mức lương theo năng lực và khối lượng công việc được giao.

Đối với công nhân trực tiếp sản xuất Công ty thực hiện chi trả theo năng suất của người lao động trực tiếp tạo ra sản phẩm.

▪ **Chính sách tiền thưởng:**

Đối với công nhân trực tiếp sản xuất: Hàng tháng các bộ phận có bình xét thưởng chuyên cần và phụ cấp tiền chuyên cần hàng tháng.

Hàng năm Công ty tổ chức bình bầu xét khen thưởng thứ hạng A, B, C theo tiêu chí ngày công lao động và mức độ hoàn thành công việc, hiệu quả công việc và thực hiện khen thưởng thỏa đáng cho tập thể, cá nhân có thành xuất sắc, nhất là cán bộ cấp cao nhằm động viên và thu hút những người có năng lực.

Đối với cán bộ chủ chốt trong công ty, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh cuối năm, nếu đạt và vượt sẽ được công ty khen thưởng.

▪ Chính sách đào tạo:

Hàng năm Công ty thực hiện quy trình đánh giá năng lực cán bộ để đào tạo từ đó làm cho sự cạnh tranh trong từng cá nhân, bộ phận trong Công ty và thông qua đó tạo nguồn cán bộ để thực hiện chính sách thăng tiến nội bộ nhằm bù đắp những khó khăn trong tuyển dụng nhân sự cấp cao cũng như việc nâng cao tay nghề cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty.

Căn cứ yêu cầu liên tục cải tiến của hệ thống, công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài để cập nhật và nâng cao trình độ cho cán bộ và công nhân lao động theo yêu cầu của các bộ phận.

▪ Khác

Xây dựng nhà ăn tập thể và tổ chức bữa ăn giữa ca cho người lao động, thường xuyên kiểm tra bếp ăn và lấy ý kiến của người lao động về chất lượng bữa ăn giữa ca để đảm bảo sức khỏe của người lao động.

Quan tâm đến các chế độ phúc lợi, hàng năm công ty duy trì khám sức khỏe cho người lao động 02 lần/năm do các tổ chức y tế khám sức khỏe cho người lao động, đồng thời trạm y tế công ty luôn thực hiện tốt vai trò trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động.

Thực hiện chế độ phụ cấp độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố độc hại theo quy định.

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận giữ lại của Công ty
- Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu

Kết quả hoạt động kinh doanh các năm trước của Công ty không được tốt, lợi nhuận sau thuế mới bắt đầu dương trở lại từ năm 2017 tuy nhiên vẫn chưa đủ bù đắp khoản lỗ lũy kế, đến 31/12/2018, CMX mới xóa được lỗ lũy kế. Do vậy, trong các năm vừa qua Công ty không chia cổ tức, lợi nhuận giữ lại được dùng để tái đầu tư phục hồi Công ty.

Tình hình chi trả cổ tức của Công ty những năm qua như sau:

	Năm 2019	Năm 2020
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

❖ Thông tin về đợt chào bán gần nhất

- Căn cứ pháp lý:
 - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 21/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17/01/2020;
 - Đăng ký kinh doanh số 2000103908 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 12/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 30/03/2020
- Thời gian chào bán: 03/2020
- Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu
- Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 13.221.234 cổ phiếu
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng giá trị thu được từ việc bán cổ phần: 132.212.340.000 đồng

❖ Mục đích sử dụng vốn

- Kế hoạch sử dụng vốn ban đầu:
 - Đầu tư máy móc, thiết bị dự án: 48.176.070.120 đồng
 - Bổ sung vốn lưu động: 84.036.269.880 đồng
- Phương án sử dụng vốn thay đổi:

Bổ sung vốn lưu động, tăng quy mô hoạt động: 132.212.340.000 đồng
- Lý do thay đổi:

Căn cứ mục đích sử dụng vốn đã được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019, một phần số vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu sẽ được dùng vào mục đích đầu tư vào máy móc, thiết bị dự án đang triển khai thực hiện. Cụ thể, Công ty dự kiến sử dụng 48.176.070.120 đồng để mua máy móc, thiết bị nâng cấp xí nghiệp 2, xí nghiệp 4 và phân xưởng 1 xí nghiệp 5. Tuy nhiên, thực tế khi triển khai công tác phát hành cổ phiếu, Hội đồng quản trị nhận thấy quá trình xin cấp phép phát hành với Ủy ban chứng khoán mất khá nhiều thời gian. Do đó, nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện hoàn thiện, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định cân đối từ các nguồn vốn khác để thực hiện nâng cấp hoàn thiện nhà máy. Số vốn huy động từ cổ đông cho việc đầu tư máy móc, thiết bị dự án sẽ được phân bổ vào việc bổ sung vốn lưu động, tăng quy mô hoạt động.

- Cấp có thẩm quyền phê duyệt

- Hội đồng quản trị thông qua việc điều chỉnh mục đích sử dụng vốn của đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 2019 theo Nghị quyết số 06/NQ.HĐQT.CMX ngày 27/03/2020;
- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua Tờ trình số 03/TT.ĐHĐCĐ.CMG ngày 12/06/2020 về việc báo cáo kết quả của đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 2019 và điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành với tỷ lệ đồng ý là 99,89%/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Thời điểm thực hiện điều chỉnh: 27/03/2020

❖ **Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành**

STT	Nội dung sử dụng	Giá trị
1	Chuyển tiền cho CTCP Camimex Foods	111.267.828.270
2	Góp vốn vào CTCP Camimex Foods	3.751.091.730
3	Chuyển tiền cho CTCP Camimex	790.000.000
4	Góp vốn vào CTCP Camimex	16.400.000.000
5	Phí kiểm đếm, sao kê tài khoản	1.177.000
	Tổng cộng	132.210.097.000

❖ **Ý kiến kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất:**

Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Ý kiến của kiểm toán viên: Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 132.212.340.000 VND lên 264.42.680.000 VND của Công ty Cổ phần Camimex Group, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại thuyết minh số II.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của CMX

Không có

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới CMX có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có

16. Thông tin về cam kết của CMX không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty Cổ phần Camimex Group cam kết: “không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách

nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.” theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Công ty mẹ

Bảng 19: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ năm 2019 – Quý II/2021

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm	6T/2021
Tổng tài sản	553.603	623.673	12,66%	652.102
Doanh thu thuần	136.456	11.064	(91,89%)	53.578
Lợi nhuận từ HDKD	49.780	(1.815)	(103,65%)	1.223
Lợi nhuận khác	5.429	2.838	(47,73%)	1.002
Lợi nhuận trước thuế	55.209	1.023	(98,15%)	2.225
Lợi nhuận sau thuế	52.420	764	(98,54%)	1.583
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2019-2020; BCTC Công ty mẹ Quý II/2021

❖ Đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ:

Kết quả kinh doanh năm 2020: Tổng tài sản đạt 623 tỷ đồng (tăng 12,66%), Doanh thu thuần Công ty mẹ đạt 11 tỷ đồng (giảm 91,89%) và LNST đạt 0,7 tỷ đồng (giảm 98,54%).

Kể từ năm 2019, với định hướng phát triển Công ty giữ vai trò quản lý, không đặt nặng sản xuất mà sẽ đứng ra tìm kiếm đối tác, thiết lập quan hệ và phân bổ về cho các công ty thành viên nên doanh thu thuần năm 2019 của Công ty đạt 136 tỷ, năm 2020 đạt 11 tỷ giảm 91,89% so với năm 2019.

Trong năm 2019, Công ty có phát sinh doanh thu tài chính ghi nhận từ việc chia cổ tức của công ty con (CTCP Camimex) 48,6 tỷ nên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế tăng cao đạt lần lượt 49,8 tỷ và 52 tỷ đồng. Bước sang năm 2020, do doanh thu giảm 91,89% kéo theo lợi nhuận sau thuế trong năm chỉ ghi nhận 764 triệu, giảm 98,54%.

1.2. Hợp nhất

Bảng 20: Kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất năm 2019 – Quý II/2021

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm	6T/2021
Tổng tài sản	1.423.796	1.492.668	4,84%	1.593.335
Doanh thu thuần	951.132	1.424.587	49,78%	932.555

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm	6T/2021
Lợi nhuận từ HĐKD	71.307	71.495	0,26%	31.813
Lợi nhuận khác	21.131	(4.643)	(121,97%)	5.907
Lợi nhuận trước thuế	92.439	66.852	(27,68%)	37.719
Lợi nhuận sau thuế	77.750	60.145	(22,64%)	32.435
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2019 - 2020; BCTC Hợp nhất Quý III/2021

❖ Đánh giá hoạt động kinh doanh Hợp nhất:

Kết quả kinh doanh năm 2020: Tổng tài sản đạt 1.492 tỷ (tăng 4,84%), Doanh thu thuần đạt 1.425 tỷ đồng (tăng 49,78%) và LNST đạt 60 tỷ đồng (giảm 22,6%).

Mặc dù tình hình tiêu thụ tại các thị trường xuất khẩu gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch covid-19, tuy nhiên với lợi thế là nước kiểm soát tốt dịch bệnh, Công ty đã tận dụng cơ hội xuất khẩu tôm sang các thị trường xuất khẩu nhằm gia tăng thị phần. Bên cạnh đó, hoạt động xuất khẩu tôm sang thị trường EU (chiếm khoảng 60% tổng giá trị xuất khẩu hàng năm của Công ty) cũng được hỗ trợ tích cực bởi hiệp định EVFTA có hiệu lực. Do vậy, doanh thu hợp nhất năm 2020 đạt 1.425 tỷ, tăng 49,78% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng dịch covid 19 khiến Công ty gia tăng thêm các chi phí phòng chống dịch (thu mua tạm trữ, lưu kho) trong khi giá bán khó nâng lên tương ứng nên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chỉ tăng 0,26% đạt 71 tỷ. Cùng với đó, lợi nhuận khác giảm từ 21 tỷ xuống (4,6) tỷ do trong năm 2019 công ty phát sinh lợi nhuận từ thanh lý tài cố định. Theo đó, lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 60 tỷ giảm 22,6%.

1.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi:

Về nguyên liệu:

- Công ty tọa lạc tại vùng tôm nguyên liệu Cà Mau, Bạc Liêu... nên Công ty đã sàng lọc và lựa chọn nhiều đại lý có uy tín để cung cấp nguyên liệu đầu vào để kịp thời sản xuất. Việc lựa chọn nhà cung cấp là một tiêu chí góp phần làm ổn định về nguồn nguyên liệu và chất lượng sản phẩm.
- Công ty có vùng nuôi tôm sinh thái tại Mũi Cà Mau, ngoài ra công ty còn liên kết với hơn 1.000 nông hộ nuôi với tổng diện tích trên 6.000 ha nên góp phần chủ động trong việc cung cấp nguyên liệu và kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào cho công ty sản xuất.
- Việc mua tôm nguyên liệu với số lượng lớn, thanh toán đầy đủ và đúng hạn tạo được mối quan hệ và uy tín cùng có lợi giữa Công ty và các đối tác cung ứng nguyên liệu. Vì vậy Công ty luôn nhận được sự tín nhiệm từ phía các nhà cung ứng nguyên liệu.

Về sản xuất chế biến:

- Công ty tập trung đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng xuất khẩu có giá trị gia tăng như: tôm tằm bột, Nobashi, IQF.... và các mặt hàng có giá trị cao như tôm sinh thái.
- Công ty đã đầu tư hoàn thiện hệ thống máy móc thiết bị của Công ty được đầu tư hiện đại, có tỷ lệ hao hụt thấp, đảm bảo chất lượng sản phẩm đồng đều.
- Đầu tư máy móc thiết bị cho các xí nghiệp theo công nghệ mới, đủ đáp ứng các yêu cầu khắt khe của các thị trường khó tính như Châu Âu, Nhật, Mỹ, Hàn Quốc...
- Công ty luôn lấy chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm và hiệu quả làm mục tiêu hàng đầu trong quá trình sản xuất và phát triển của Công ty.
- Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm được quy định nghiêm ngặt, đội ngũ kiểm tra chất lượng sản phẩm được đào tạo và giàu kinh nghiệm.

Về tiêu thụ sản phẩm và xúc tiến thương mại:

- Với uy tín thương hiệu trên 40 năm và chất lượng sản phẩm được đảm bảo, Công ty đã và đang tiêu thụ sản phẩm làm ra tại nhiều nước trên thế giới. Hiện tại, Công ty đã có nhiều khách hàng chiến lược tiêu thụ lớn, ổn định và lâu dài.
- Trong các năm vừa qua công ty đã tham gia nhiều hội chợ trong và ngoài nước để tìm kiếm khách hàng và các hoạt động trên đã đem lại nhiều hiệu quả lớn, tạo cơ hội cho khách hàng hiểu biết nhiều hơn về công ty, củng cố mối quan hệ làm ăn lâu dài với khách hàng cũ truyền thống, đồng thời ký hợp đồng thêm với nhiều khách hàng mới, chủ động ký kết những đơn hàng lớn mang lại hiệu quả cao.

Về tổ chức quản lý:

- Thủy hải sản là ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, do vậy Nhà nước có nhiều chính sách ưu đãi, tạo điều kiện phát triển như hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ nông dân nuôi trồng thủy sản, hỗ trợ xuất khẩu thủy sản.
- Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) có hiệu lực giúp cho các doanh nghiệp thủy sản nói chung và Camimex nói riêng được giảm thuế nhập khẩu về 0%, giúp tăng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU. Đồng thời, Ấn Độ - đối thủ cạnh tranh lớn của Việt Nam vẫn đang gặp khó khăn do dư lượng kháng sinh cao. Tại thị trường Nhật Bản, việc Việt Nam gia nhập CPTPP cũng hỗ trợ cho Camimex xuất khẩu sang thị trường này.
- Ban lãnh đạo Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nuôi trồng và chế biến tôm các loại. Đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty có trình độ tay nghề cao, gắn bó lâu dài.

❖ Những nhân tố khó khăn:

Về dịch bệnh:

Đầu năm 2020, đại dịch covid-19 bắt đầu bùng phát tại Trung Quốc và nhanh chóng lan rộng ra toàn thế giới ảnh hưởng đến

- Nhu cầu tiêu thụ giảm do ảnh hưởng của các biện pháp giãn cách xã hội và trong bối cảnh thu nhập giảm
- Hoạt động xuất nhập khẩu, vận chuyển gặp nhiều gián đoạn do tăng cường biện pháp kiểm soát khiến chi phí bán hàng, logistics tăng cao,...

Về giá bán:

- Sự mất giá đồng EURO và đồng YEN gây khó khăn cho Công ty khi xuất khẩu vào thị trường EU và thị trường Nhật Bản. Tỷ giá biến động thất thường cũng gây ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược của Công ty.
- Giá tôm nguyên liệu biến động thất thường, gây khó khăn trong công tác chuẩn bị thu mua nguyên liệu cho sản xuất. Công ty phải đối mặt với áp lực cạnh tranh quá trình thu mua nguyên liệu.

Về thị trường tiêu thụ:

- Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trên thị trường xuất khẩu chủ yếu tại thị trường Châu Âu, Mỹ, Nhật, Hàn Quốc... Đây là những thị trường khó tính và luôn có những quy định khắt khe về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Những tiêu chuẩn này có thể thay đổi theo từng thời kỳ khác nhau, thường là bổ sung các chất cấm sử dụng hoặc quy định mức tối thiểu về dư lượng kháng sinh. Thời gian qua các thị trường này đã hạn chế nhập hàng loạt các mặt hàng thủy sản từ Việt Nam. Do đó, đây là một khó khăn rất lớn cho Công ty, nếu không tuân thủ tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm thì các nước nhập khẩu sẽ rất khó khăn khi vào các thị trường này.
- Thị trường Nhật Bản 100% lô hàng tôm Việt Nam đều bị kiểm tra thay vì chỉ 30% như thường lệ. Chính phủ Hàn Quốc cũng đã cảnh báo việc dư lượng nitrofurans trong tôm. Tại Mỹ, tất cả tôm nhập khẩu vào nước này phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của Chương trình Giám sát nhập khẩu thủy hải sản nhập khẩu vào Mỹ (SIMP). Trong khi đó, Australia cũng chưa gỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu tôm và thịt tôm chưa nấu chín từ các nước châu Á, trong đó có Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 6/7/2017.

Về vốn:

- Vốn cần để mua tôm nguyên liệu lớn, nguồn vốn của công ty còn hạn chế, trong khi ngân hàng cung cấp hạn mức cho vay đối với các công ty thủy sản trong các năm qua còn hạn chế.

2. Tình hình hoạt động tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 21: Cơ cấu vốn chủ sở hữu - Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Vốn điều lệ	132.212	304.087	304.087
Quỹ đầu tư phát triển	1.995	543	543
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	67.378	41.701	43.283
Vốn chủ sở hữu	201.585	346.331	347.914

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2019 - 2020 và BCTC Công ty mẹ Quý II/2021

Bảng 22: Cơ cấu vốn chủ sở hữu - Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Vốn điều lệ	132.212	304.087	304.087
Thặng dư vốn cổ phần	5.106	5.106	5.106
Quỹ đầu tư phát triển	1.995	543	543
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.900	48.598	73.472
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	179.255	199.360	206.921
Vốn chủ sở hữu	344.468	557.694	590.129

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2019-2020 và BCTC Hợp nhất Quý II/2021

2.1.2. Khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian sử dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

Tài sản cố định hữu hình	
Nhà cửa, vật kiến trúc	03-44 năm
Máy móc, thiết bị	03-54 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03-14 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03-05 năm
Tài sản cố định thuê tài chính	
Máy móc và thiết bị	05 năm
Tài sản cố định vô hình	
Quyền sử dụng đất	dựa trên thời hạn thuê
Phần mềm máy tính	03 năm

2.1.3. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty năm 2019 và năm 2020 lần lượt là 6.400.000 đồng/người/tháng và 6.500.000 đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập thuộc loại trung bình so với các doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng ngành trên địa bàn tỉnh Cà Mau và các tỉnh khác thuộc khu vực miền Tây Nam Bộ.

2.1.4. Tình hình công nợ

2.1.4.1. Các khoản phải thu

a) Tổng số nợ phải thu

Bảng 23: Các khoản phải thu – Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Phải thu ngắn hạn	30.483	16.897	45.036
Phải thu khách hàng	20.363	15.702	40.296
Trả trước cho người bán	11.057	10.902	3.363
Phải thu khác	17.927	8.971	2.907
Dự phòng phải thu khó đòi	(18.864)	(18.678)	(1.530)
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	-
Phải thu dài hạn	1.156	1.152	1.146
Phải thu dài hạn khác	1.156	1.152	1.146

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Tổng cộng	31.639	18.049	46.182

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2019 - 2020 và BCTC Công ty mẹ Quý II/2021

Bảng 24: Các khoản phải thu – Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Phải thu ngắn hạn	323.340	299.882	487.046
Phải thu khách hàng	78.591	82.500	430.817
Trả trước cho người bán	225.194	206.583	24.511
Phải thu khác	38.419	29.477	33.248
Dự phòng phải thu khó đòi	(18.864)	(18.678)	(1.530)
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	-
Phải thu dài hạn	8.774	8.770	8.765
Phải thu dài hạn khác	8.774	8.770	8.765
Tổng cộng	332.114	308.652	495.811

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2019 - 2020 và BCTC Hợp nhất Quý II/2021

b) Các khoản phải thu quá hạn

Khoản mục	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Giá trị 30/06/2021 (tr.đồng)	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng 30/06/2021 (tr.đồng)
Phải thu các tổ chức, cá nhân	Trên 03 năm	Thành phẩm xuất khẩu, ứng tiền	1.530	-	1.530
Tổng			1.530		1.530

Nguồn: CTCP Camimex Group

2.1.4.2. Các khoản phải trả

a) Tổng số nợ phải trả

Bảng 25: Các khoản phải trả - Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Nợ ngắn hạn	351.568	276.892	302.306
Vay và nợ ngắn hạn	164.764	119.689	114.606
Phải trả người bán	154.025	130.820	167.462
Người mua trả tiền trước	5.016	4.156	4.156
Các khoản thuế phải nộp	3.714	2.175	2.192
Phải trả NLD	157	189	244
Chi phí phải trả	229	2	28
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.015	1.015	1.015
Phải trả khác	22.647	18.846	12.603
Nợ dài hạn	450	450	1.882
Vay và nợ dài hạn	-	-	1.432
Phải trả dài hạn khác	450	450	450
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-
Tổng cộng	352.018	277.342	304.188

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2019-2020 và BCTC Công ty mẹ Quý II/2021

Bảng 26: Các khoản phải trả - Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Nợ ngắn hạn	1.036.622	902.691	961.037
Vay và nợ ngắn hạn	638.936	615.041	648.619
Phải trả người bán	339.600	238.949	262.835
Người mua trả tiền trước	5.901	10.344	7.158
Các khoản thuế phải nộp	15.570	10.610	9.615
Phải trả NLD	6.822	6.072	9.924
Chi phí phải trả	4.590	4.222	4.991
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.015	1.995	1.895

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Phải trả khác	23.188	15.457	15.999
Nợ dài hạn	42.706	32.282	42.169
Vay và nợ dài hạn	42.256	31.832	41.719
Phải trả dài hạn khác	450	450	450
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-
Tổng cộng	1.079.328	934.974	1.003.206

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2019-2020 và BCTC Hợp nhất Quý II/2021

b) Tình hình thanh toán các khoản nợ

Bảng 27: Các khoản nợ quá hạn

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	30/06/2021	Số có khả năng thanh toán	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân
Nợ quá hạn chưa thanh toán của các nhà cung cấp	2.799	2.799		
Tôm sinh thái	1.314	1.314	Trên 3 năm	Mua vật tư, nguyên liệu
Các nhà cung cấp khác	1.485	1.485	Trên 1-3 năm	
Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác	10.695	10.695		
Coop, Basel – Tiền mượn (i)	7.879	7.879	Trên 03 năm	Ứng trước tiền hàng
Kinh phí công đoàn (i)	2.044	2.044	Trên 03 năm	Thu kinh phí công đoàn CBNV
Thu tiền thanh lý hộ Nhà nước (ii)	45	45	Trên 3 năm	Khoản tiền thanh lý hộ Nhà nước chưa được thanh toán do không có yêu cầu
Lãi cổ tức chưa chia	531	531	Trên 3 năm	Tiền cổ tức được chia chưa

				nhận hết.
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	195	195	Trên 3 năm	Quản lý phát triển sinh thái trại nuôi tôm giống chưa chi
Vay quá hạn chưa thanh toán	3.733	3.733		
Vay NH phát triển Việt Nam – Chi nhánh khu vực Minh Hải (iii)	3.733	3.733	Trên 03 năm	Tập đoàn đang làm việc với Ngân hàng và chưa xác định được thời gian tất toán khoản nợ
Tổng cộng	17.227	17.227		

Nguồn: CTCP Camimex Group

2.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 28: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước – Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Thuế, các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Thuế giá trị gia tăng	-	-	206
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.964	1.631	1.475
Thuế thu nhập cá nhân	750	544	510
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-
Tổng	3.714	2.176	2.191

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2019-2020 và BCTC Công ty mẹ Quý II/2021

Bảng 29: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước – Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Thuế, các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Thuế GTGT hàng bán nội địa	295	362	270

Thuế, các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.848	8.947	8.766
Thuế thu nhập cá nhân	1.419	1.293	565
Tiền thuê đất	-	-	-
Thuế tài nguyên	7	8	14
Tổng	15.570	10.610	9.615

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2019-2020 và BCTC Hợp nhất Quý II/2021

2.1.6. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Bảng 30: Số dư các quỹ - Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Quỹ đầu tư phát triển	1.995	543	543
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.015	1.015	1.015
Tổng cộng	3.010	1.558	1.558

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2019-2020 và BCTC Công ty mẹ Quý II/2021

Bảng 31: Số dư các quỹ - Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Quỹ đầu tư phát triển	1.995	543	543
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.015	1.995	1.895
Tổng cộng	4.010	2.538	2.438

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2019-2020 và BCTC Hợp nhất Quý II/2021

2.1.7. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của CMX kể từ thời điểm kết thúc năm 2020

Không có

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 32: Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2019	31/12/2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,16	0,08
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,16	0,08
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ/Tổng tài sản	%	63,59%	44,47%
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	174,62%	80,08%
Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,26	0,02
Vòng quay vốn lưu động	Vòng	2,79	0,28
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1.068,44	130,61
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	38,42%	6,91%
Lợi nhuận sau thuế/VCSH bq	%	27,04%	0,28%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq	%	9,99%	0,13%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	d/cp	3.965	29

Nguồn: Tính toán từ BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2019 - 2020

Bảng 33: Chỉ tiêu tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2019	31/12/2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,92	1,03
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,36	0,36
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ/Tổng tài sản	%	75,81%	62,64%
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	313,33%	167,65%
Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,83	0,99
Vòng quay vốn lưu động	Vòng	1,22	1,52
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,50	2,09

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	8,17%	4,19%
Lợi nhuận sau thuế/VCSH bq	%	27,29%	17,94%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq	%	6,76%	4,12%
EPS	đ/ cp	2.569	1.767

Nguồn: Tính toán từ BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 - 2020

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành
3.1. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019
❖ Ý kiến tổ chức kiểm toán độc lập trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2019:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Camimex Group tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

❖ Ý kiến tổ chức kiểm toán độc lập trên Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2019:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020
❖ Ý kiến tổ chức kiểm toán độc lập trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2020:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Camimex Group tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

❖ **Ý kiến tổ chức kiểm toán độc lập trên Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2020:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2021 (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2020	Kế hoạch năm 2021	
			Giá trị	% tăng giảm so với năm 2020
1. Vốn điều lệ	Tỷ đồng	304,1	608,2	100%
2. Tổng doanh thu thuần	Tỷ Đồng	1.424,6	1.628,67	14,32%
3. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đồng	60,1	73,08	21,60%
4. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	4,22	4,49	0,27%
5. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	19,76	12,02	(7,75%)
6. Cổ tức	%	0	0	0

Nguồn: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

4.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức

Ban lãnh đạo Công ty nhận định việc gia tăng xuất khẩu tại các thị trường mới chỉ ở giai đoạn bắt đầu nên năm 2021, Hội đồng quản trị Camimex Group đánh giá là thời cơ tốt để hoạt động Công ty tiếp tục tăng trưởng. Theo đó, kế hoạch năm 2021 tổng doanh thu thuần hợp nhất 1.628,67 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất 73,08 tỷ đồng. Kế hoạch trên được Công ty xây dựng căn cứ vào năng lực sản xuất, các đơn đặt hàng của khách hàng và đánh giá tiềm năng tăng trưởng của ngành thủy sản. Cụ thể như sau:

▪ **Đẩy mạnh nâng cấp, xây dựng nhà máy mới và gia tăng công suất**

Hiện tại công ty đang vận hành 3 nhà máy xí nghiệp chế biến 2, 4, 5 trên tổng diện tích gần 4,5 ha, với tổng công suất 18.800 tấn/năm. Với công suất hiện tại, công ty chưa đáp ứng được hết nhu cầu của khách hàng quốc tế, tức là nhu cầu tôm còn rất lớn so với nguồn cung của CMX. Bên cạnh đó, nguồn cung tôm Thái Lan không đủ cho xuất khẩu và tôm Ấn Độ gặp khó khăn tại thị trường EU; các sản phẩm từ tôm chính thức hưởng mức thuế nhập khẩu 0% từ Mỹ; các hiệp định thương mại tự do với EU, Nhật Bản, Hàn Quốc,... cũng tạo nên lợi thế cạnh tranh vô cùng

lớn cho tôm Việt Nam.

Đón đầu xu hướng thị trường này, CMX dự định năm 2021 tiếp tục đầu tư nâng cấp tự động hóa máy móc thiết bị, nhà xưởng tại các xí nghiệp nâng cao năng lực sản xuất đặc biệt là sản xuất mặt hàng giá trị gia tăng.

▪ **Tăng trưởng doanh thu mạnh nhờ EVFTA**

Hiện tại, thị trường xuất khẩu chính của CMX là EU, chiếm khoảng 60% tổng kim ngạch. EU chủ yếu nhập khẩu tôm nguyên liệu đông lạnh và tôm chế biến từ Việt Nam. Do vậy, khi hiệp định EVFTA có hiệu lực sẽ giúp tôm Việt ở EU có sức cạnh tranh mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Với mức thuế ưu đãi, Việt Nam có lợi thế hơn so với 2 nước đối thủ là Thái Lan và Trung Quốc, đồng thời tạo một bước ngoặt lớn về cơ cấu thị trường tôm Việt.

Đặc biệt với lợi thế là công ty duy nhất ở Việt Nam và trên thế giới được chứng nhận bởi Naturland để chế biến tôm sinh thái. CMX cũng là công ty sở hữu vùng nuôi sinh thái đầu tiên trên thế giới và là duy nhất tại Việt Nam đạt tiêu chuẩn Châu Âu 834/07 và 889/08, giúp CMX còn tiến xa trong bối cảnh xu thế tiêu thụ sản phẩm Bio đang tăng nhanh ở châu Âu.

Bên cạnh ưu đãi về thuế, EVFTA cũng giúp doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tiếp cận dễ dàng hơn với các dịch vụ phục vụ sản xuất như logistics, bảo hiểm, tài chính... Từ đó, doanh nghiệp có thể tiết kiệm được chi phí sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh so với đối thủ chưa có FTA với EU, như Ấn Độ, Thái Lan.

▪ **Phá bỏ rào cản về vốn**

Hiện nay do nguồn vốn tín dụng hạn chế nên công ty vẫn đang chọn lọc và chỉ đáp ứng được khoảng 60% nhu cầu khách hàng. Năm 2021, công ty đang làm việc thêm với các ngân hàng để gia tăng hạn mức tín dụng theo đà phát triển của công ty, cùng với kế hoạch tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện tại, một số ngân hàng như: Vietcombank, Sacombank, Agribank... cũng đã đồng ý gia tăng hạn mức tín dụng cho CMX. Khi nguồn vốn hoạt động tăng, có thể giúp công ty tăng tỷ lệ thực hiện hợp đồng lựa chọn lên 80-90%.

5. **Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) đã tiến hành khảo sát doanh nghiệp, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cân trọng và hợp lý để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty qua các năm 2019, 2020; căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết cũng như sự tăng trưởng nhu cầu về các sản phẩm của Công ty giai đoạn 2020-2021, với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp phát triển kinh doanh, trong trường hợp nền kinh tế vĩ mô không có biến động tiêu cực lớn thì SHS đánh giá kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty được xây dựng một cách hợp lý.

Ý kiến đánh giá trên đây được SHS đưa ra trên cơ sở nghiên cứu và lý thuyết về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, của ngành và của Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2000103908 lần đầu ngày 12/01/2006. Căn cứ theo quy định tại Khoản 3, Điều 120, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 26/11/2014 quy định: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.”

Đến thời điểm hiện tại, các quy định hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Bảng 34: Danh sách cổ đông lớn và người có liên quan đến các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên

STT	Họ và tên	Năm sinh/Năm thành lập	Quan hệ với cổ đông lớn	Tại 06/07/2021		Dự kiến sau đợt chào bán	
				Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Bùi Đức Cường	1973	Cổ đông lớn	2.222.000	7,31%	4.444.000	7,31%
	Phạm Thị Nga		Mẹ	0	0%	0	0%
	Châu Thị Hoàng Hà		Vợ	0	0%	0	0%
	Bùi Sĩ Tuấn		Anh ruột	6.621.537	21,78%	13.243.074	21,78%
	Vũ Thị Bích Ngọc		Chị dâu	3.300.000	10,85%	6.600.000	10,85%
	Bùi Đức Dương		Em ruột	0	0%	0	0%
	Bùi Diệu Linh		Con ruột	0	0%	0	0%
	Bùi Diệu Tiên		Con ruột	0	0%	0	0%
	Bùi Diệu Chi		Con	0	0%	0	0%
2	Vũ Thị Bích Ngọc	1973	Cổ đông lớn	3.300.000	10,85%	6.600.000	10,85%
	Bùi Sĩ Tuấn		Chồng	6.621.537	21,78%	13.243.074	21,78%
	Bùi Đức Dũng		Con ruột	410.000	1,34%	820.000	1,34%

STT	Họ và tên	Năm sinh/Năm thành lập	Quan hệ với cổ đông lớn	Tại 06/07/2021		Dự kiến sau đợt chào bán	
				Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ
	Bùi Vũ Diệu Anh		Con ruột	0	0%	0	0%
	Bùi Vũ Thảo Anh		Con ruột	0	0%	0	0%
3	KB SECURITIES CO., LTD	1962	Cổ đông lớn	4.324.246	14,22%	8.648.492	14,22%
	Park, Jeong Rim		CEO	-	-	-	-

Nguồn: CTCP Camimex Group

❖ **KB SECURITIES CO., LTD**

Năm thành lập: 1962

Giấy ĐKKD số 116-81-29539 do Korea cấp ngày 14/07/2962

Địa chỉ trụ sở chính: 21, Yeouinaru-ro 4-gil, Yeongdeungpo-gu, Seoul

Người đại diện theo pháp luật: Park, Jeong Rim

Người đại diện theo ủy quyền tại CTCP Camimex Group: Không có

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Bùi Sĩ Tuấn	12/10/1971	034071003438	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Bùi Đức Cường	07/04/1973	034073004540	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc
3	Đặng Ngọc Sơn	19/06/1959	036059004771	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
4	Nguyễn Trọng Hà	29/06/1974	381744956	Thành viên HĐQT
5	Huỳnh Văn Tấn	21/04/1975	380988012	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a. Ông Bùi Sĩ Tuấn - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Bùi Sĩ Tuấn

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 12/10/1971

CMND/ Hộ chiếu : 034071003438
 Ngày cấp : 17/08/2016
 Nơi cấp : Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư - Tổng cục Cảnh sát
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 12.02A Khối A Chung cư Cao Tầng, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ năm 1996 – 2006	Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn thủy sản Minh Phú
Từ năm 2006 – 2010	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Đầu tư CTCP Tập đoàn thủy sản Minh Phú
Từ năm 2010 – 2011	Giám đốc đầu tư Tập đoàn Thủy sản Minh Phú CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Từ tháng 10/2012 - 01/2013	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Camimex Group
Từ 24/01/2013 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Camimex Group
Từ năm 2008 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP vốn Thiên Niên Kỳ
Từ tháng 02/2019 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Camimex
Chức vụ tại công ty	: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ tại tổ chức khác	: - Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần vốn Thiên Niên Kỳ; - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Camimex
Tổng số cổ phần nắm giữ	: 6.621.537 cổ phần
- Sở hữu cá nhân	: 6.621.537 cổ phần, chiếm 21,78% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần công ty, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ
Bùi Đức Cường	Em trai	2.222.000	7,31%
Vũ Thị Bích Ngọc	Vợ	3.300.000	10,85%
Bùi Đức Dũng	Con trai	410.000	1,34%

Chứng khoán nắm giữ tại tổ chức khác : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : - Thù lao Chủ tịch Hội đồng quản trị
 - Cổ phiếu thưởng chương trình ESOP: 10.276 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

b. Ông Bùi Đức Cường - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : Bùi Đức Cường
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 07/04/1973
 CMND/ Hộ chiếu : 034073004540
 Ngày cấp : 17/02/2017
 Nơi cấp : Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư - Tổng cục Cảnh sát
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : E114 CC KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ năm 1997 -2008	Chuyên viên tại CTCP Tập đoàn thủy sản Minh Phú
Từ năm 2009 – 02/2013	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Quang Thuận - Ninh Thuận
Từ 06/2013 - 13/02/2019	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Camimex
Từ 14/02/2019 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex
Từ 06/2013 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Camimex Group

Chức vụ tại công ty : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty
 Chức vụ tại tổ chức khác : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Camimex
 Tổng số cổ phần nắm giữ : 2.222.000 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân : 2.222.000 cổ phần chiếm 7,31% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan :

Họ và tên	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ
Bùi Sĩ Tuấn	Anh trai	6.621.537	21,78%

Vũ Thị Bích Ngọc	Chị dâu	3.300.000	10,85%
Chứng khoán nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không có	
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không có	
Những khoản nợ đối với Công ty	:	Không có	
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	- Thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Phó tổng giám đốc - Cổ phiếu thưởng chương trình ESOP: 10.000 cổ phần	
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không có	

c. Ông Đặng Ngọc Sơn - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	:	Đặng Ngọc Sơn
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	19/06/1959
CMND/ Hộ chiếu	:	036059004771
Ngày cấp	:	19/06/1959
Nơi cấp	:	Tổng cục Cảnh sát
Quốc tịch	:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	:	11/50 Nguyễn Hữu Tiến, Tây Thạnh, Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Chế biến thủy sản
Quá trình công tác	:	

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác	
Từ năm 1981 - 1994	Phó Giám đốc phụ trách sản xuất Công tác tại Công ty Xuất nhập Thủy sản Sóc Trăng	
Từ năm 1995 - 1998	Phó Giám đốc Kỹ Thuật Công ty CP Dầu khí Vũng Tàu	
Từ năm 1998 -2001	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc CTCP Chế biến thủy sản Minh Hải	
Từ năm 2001-2005	Giám đốc Công ty TNHH An Hưng Bà Rịa Vũng Tàu	
Từ năm 2005- 2014	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Phú Minh Hưng Quảng Ninh	
Từ 08/2014 – 07/2019	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Camimex Group	
Từ 01/07/2019 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Camimex Group	
Từ 09/2020 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Camimex	
Chức vụ tại công ty	:	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

	công ty
Chức vụ tại tổ chức khác	: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Camimex
Tổng số cổ phần nắm giữ	: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	: Không có
Chứng khoán nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: - Thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Phó tổng giám đốc - Cổ phiếu thưởng chương trình ESOP: 10.000 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không có

d. Ông Nguyễn Trọng Hà - Thành viên HĐQT

Họ và tên	: Nguyễn Trọng Hà
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 29/06/1974
CMND/ Hộ chiếu	: 381744956
Ngày cấp	: 22/03/2011
Nơi cấp	: CA Tỉnh Cà Mau
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: 251F, đường Lê Vĩnh Hòa, phường 8, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	:

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Năm 1999 - 05/2006	Kế toán tổng hợp Xí nghiệp thủy sản Đầm Dơi
Từ 05/2006 - 12/2006	Kế toán Viettel Cà Mau
Từ 01/2007 - 12/2007	Trưởng phòng bán hàng Viettel Cà Mau
Từ 01/2008 - 08/2011	Phó Giám đốc Kinh doanh Viettel Cà Mau
Từ 09/2011 - 10/2020	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Camimex Group
Từ 11/2020 - nay	Giám đốc Công ty TNHH Camimex Organic

Chức vụ tại công ty	: Thành viên Hội đồng Quản trị
Chức vụ tại tổ chức khác	: Giám đốc Công ty TNHH Camimex Organic
Tổng số cổ phần nắm giữ	: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	: Không có
Chứng khoán nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: - Thù lao thành viên Hội đồng quản trị - Cổ phiếu thưởng chương trình ESOP: 10.000 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không có

e. Ông Huỳnh Văn Tấn - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Họ và tên	: Huỳnh Văn Tấn
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 21/04/1975
CMND/ Hộ chiếu	: 380988012
Ngày cấp	: 29/10/2013
Nơi cấp	: Cà Mau
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: 4/10 Nguyễn Ngọc Sanh, khóm 6 phường 5 Cà Mau
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế đối ngoại
Quá trình công tác	:

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 2000 - 2001	Nhân viên thị trường Công ty bút bi Thiên Long
Từ 2001 - 06/2020	Cán bộ CTCP Camimex Group
Từ 06/2020 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Camimex Group

Chức vụ tại công ty	: Thành viên Hội đồng Quản trị
Chức vụ tại tổ chức khác	: Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Chứng khoán nắm giữ tại tổ chức khác : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : - Thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc
- Cổ phiếu thưởng chương trình ESOP: 10.000 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

3.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Nguyễn Đăng Duẩn	31/07/1980	012095093	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Văn Thắng	19/08/1971	022820187	Thành viên Ban kiểm soát
3	Nguyễn Hoàng Nghĩa	01/10/1980	381025716	Thành viên Ban kiểm soát

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban kiểm soát như sau:

a. Ông Nguyễn Đăng Duẩn – Trưởng ban kiểm soát

Họ và tên : Nguyễn Đăng Duẩn

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 31/07/1980

CMND/ Hộ chiếu : 001080010707

Ngày cấp : 05/08/2020

Nơi cấp : Tổng cục Cảnh sát

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 47/112 Trần Quốc Toản, phường 8, Quận 3, TP.HCM

Trình độ chuyên môn : Đại học Luật

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ năm 2002 - 2007	Chuyên viên Tư Vấn Công ty tư vấn Thái Dương
Từ năm 2007 - 2018	Luật sư, trưởng chi nhánh Văn phòng luật sư Prime VN tại TP.HCM
Từ năm 2011 - nay	Luật sư Công ty TNHH tư vấn đầu tư Ecolaw
Từ 08/2014 - nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Camimex Group
Từ 02/2019 – nay	Trưởng ban kiểm soát CTCP Camimex
Chức vụ tại công ty	: Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác	: Trưởng ban kiểm soát công ty cổ phần Camimex
Tổng số cổ phần nắm giữ	: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	: Không có
Chứng khoán nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: - Thù lao trưởng ban kiểm soát - Cổ phiếu thưởng chương trình ESOP: 3.000 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không có

b. Ông Nguyễn Văn Thắng – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	: Nguyễn Văn Thắng
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 19/08/1971
CMND/ Hộ chiếu	: 022820187
Ngày cấp	: 21/09/2015
Nơi cấp	: CA Tp. Hồ Chí Minh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: 13 Lê lai - Phường 03 - Quận Gò Vấp - TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	: Đại học kinh tế chuyên ngành Tài chính tín dụng; Đại học Luật
Quá trình công tác	:

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ năm 1997 – 2002	Công tác tại Tổng công ty Xây dựng số 1
Từ năm 2003 – 2005	Công tác tại Công ty CP Dịch vụ hàng hải và Du lịch Sài Gòn
Từ năm 2006 – 2009	Công tác tại Công ty Cổ phần Nhật Quân Anh
Từ năm 2010 – 2014	Công tác tại Công ty CP Tân Hoàng Thắng
Từ năm 2015 – 02/2019	Trưởng ban kiểm soát nội bộ Công ty TNHH Thủy sản Camimex
Từ 02/2019 - nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Camimex
Từ 20/07/2016 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Camimex Group

Chức vụ tại công ty	:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ tại tổ chức khác	:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Camimex
Tổng số cổ phần nắm giữ	:	0 cổ phần
- Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần, tỷ lệ 0,00 % vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu	:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	:	Không có
Chứng khoán nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	- Thù lao thành viên ban kiểm soát - Cổ phiếu thưởng chương trình ESOP: 3.000 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không có

c. Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	:	Nguyễn Hoàng Nghĩa
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	01/10/1980
CMND/ Hộ chiếu	:	381025716
Ngày cấp	:	26/04/2017
Nơi cấp	:	Công an Tỉnh Cà Mau
Quốc tịch	:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	:	Khóm 8 – Phường 8 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
Trình độ chuyên môn	:	Trung học Kế toán Doanh nghiệp, Đại học Quản-trị kinh doanh
Quá trình công tác	:	

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Năm 2000 đến 2002	Nhân viên Phòng TCHC Công ty CP chế biến và XNK Cadovimex
Năm 2002 đến 2006	Nhân viên Phòng Kế toán Tổng hợp Công ty CP Thực phẩm Thủy sản xuất khẩu Cà Mau
Năm 2007 đến 06/2009	Nhân viên Tổ chức hành chính Công ty CP Camimex Group
Từ 06/2009 - đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Camimex Group
Từ 07/12/2014 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát, Nhân viên phụ trách Công bố thông tin Công ty CP Camimex Group

Chức vụ tại công ty	:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ tại tổ chức khác	:	
Tổng số cổ phần nắm giữ	:	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	:	Không có
Chứng khoán nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	- Thù lao thành viên ban kiểm soát - Cổ phiếu thưởng chương trình ESOP: 3.000.cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không có

3.3. Danh sách thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Huỳnh Văn Tấn	21/04/1975	380988012	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
2	Bùi Đức Cường	07/04/1973	034073004540	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc công ty
3	Đặng Ngọc Sơn	19/06/1959	036059004771	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
4	Huỳnh Công Nhân	09/12/1978	381527017	Kế toán trưởng

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng như sau:

a. Ông Huỳnh Văn Tấn – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Xem thông tin tại mục thông tin thành viên Hội đồng quản trị

b. Ông Bùi Đức Cường – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Xem thông tin tại mục thông tin thành viên Hội đồng quản trị

c. Ông Đặng Ngọc Sơn – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Xem thông tin tại mục thông tin thành viên Hội đồng quản trị

d. Ông Huỳnh Công Nhân – Kế toán trưởng

Họ và tên : Huỳnh Công Nhân

Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 09/12/1978
 CMND/ Hộ chiếu : 381527017
 Ngày cấp : 24/04/2018
 Nơi cấp : CA tỉnh Cà Mau
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Số 290A, đường Nguyễn Công Trứ, Khóm 8, Phường 8, Tp Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 11/2001 – 01/2006	Nhân viên phòng kế toán Công ty CP CBTS XK Minh Hải
Từ 02/2006-01/2007	Kế toán tổng hợp Công ty CP CBTS XK Minh Hải
Từ 02/2007-08/2008	Kế toán trưởng Công ty CP CBTS XK Minh Hải
Từ 09/2008-12/2009	Giám đốc tài chính Công ty CP CBTS XK Minh Hải
Từ 01/2010-06/2011	Giám đốc tài chính Công ty CP Phú Cường Jostoco
Từ 07/2011-6/2012	Phó tổng giám đốc tài chính Công ty CP Phú Cường Jostoco
Từ 07/2012-12/2013	Giám đốc Công ty CP Phú Cường Jostoco
Từ 01/2014-02/2019	Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại Thủy sản Ngân Phú
Từ 03/2019 -12/2019	Trợ lý chủ tịch HĐQT Công ty Cp Camimex Group
Từ 01/2020-10/2020	Tổng giám đốc Công ty CP Camimex Foods
Từ 01/11/2020 - nay	Kế toán trưởng CTCP Camimex Group

Chức vụ tại công ty : Thành viên Ban kiểm soát
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
 - Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan : Không có
 Chứng khoán nắm giữ tại tổ chức khác : Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : - Thù lao kế toán trưởng

- Cổ phiếu thưởng chương trình ESOP: 3.000 cổ phần
- Số cổ phiếu ESOP được quyền mua giá ưu đãi: 170.000 cổ phần, giá 10.000 đồng/cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

VII. CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số chứng khoán chào bán là **30.408.751 cổ phiếu**

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

304.087.510.000 đồng

5. Giá chào bán dự kiến

10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

Công ty sử dụng kết hợp các phương pháp: phương pháp giá trị sổ sách (BVPS), phương pháp giá thị trường

- **Định giá cổ phiếu theo phương pháp giá trị sổ sách (BVPS)**

Công thức tính giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS):

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Khối lượng CP đã phát hành} - \text{CP quỹ}}$$

Cụ thể:

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2019	31/03/2020
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	344.468.096.537	500.609.389.008
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đồng	179.254.872.554	191.736.163.320
Số cổ phiếu đã phát hành	Cổ phiếu	13.221.234	26.442.468
Số cổ phiếu quỹ	Cổ phiếu	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phiếu	13.221.234	26.442.468
Giá trị sổ sách	Đồng/ cổ phiếu	12.496	11.681

• **Định giá cổ phiếu theo phương pháp giá thị trường**

Giá tham chiếu bình quân cổ phiếu CMX 60 phiên giao từ 09/03/2020 đến ngày 03/06/2020 là 12.954 đồng/cổ phiếu

Kết luận: Căn cứ thực tế giá trị sổ sách và giá giao dịch cổ phiếu CMX trên thị trường hiện tại, để đảm bảo kế hoạch huy động vốn, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông hiện hữu, Công ty quyết định giá chào bán của đợt phát hành là **10.000 đồng/cổ phiếu**

7. Phương thức phân phối

- Đợt chào bán không có tổ chức bảo lãnh phát hành.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1.

Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, 01 quyền được mua 01 cổ phiếu mới

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Do phát hành theo tỷ lệ 1:1 nên đợt phát hành không phát sinh cổ phiếu lẻ
- Phương án xử lý cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết:

Đối với số lượng cổ phiếu chưa phát hành hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua; DHDCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT tiếp tục chào bán với giá 10.000 đ/cổ phiếu theo thứ tự ưu tiên cho các thành viên sau: Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Cán bộ công nhân viên Công ty, Các cổ đông hiện hữu khác. Nếu các đối tượng này không mua hết, chủ tịch HĐQT được quyền lựa chọn chào bán cho các đối tượng khác với mức giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Xử lý cổ phiếu còn dư phải thực hiện theo các quy định liên quan về chào bán chứng khoán

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu của 01 nhà đầu tư: 01 cổ phiếu
- Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu

- **Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại các Công ty chứng khoán:** việc đăng ký mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại các công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.
- **Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu tại các Công ty chứng khoán:** việc đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại CTCP Camimex Group.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Công ty dự kiến lịch trình phân phối cổ phiếu như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công	D

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
	chúng của UBCKNN	
2	Công bố thông tin theo quy định	D đến D+7
3	Chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	D + 12
4	Chuyển nhượng quyền mua	D + 24 đến D + 38
5	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	D + 24 đến D + 44
6	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý số cổ phiếu không chào bán hết	D+45 đến D+55
7	Thực hiện bán và xử lý đối với số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết	D + 56 đến D + 64
8	Báo cáo kết quả chào bán	D+65
9	Thời gian chuyển giao cổ phiếu cho nhà đầu tư	Dự kiến trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt chào bán

Lưu ý:

- Thời gian trên chỉ là dự tính, thời gian thực tế phụ thuộc vào quá trình thụ lý và xét duyệt hồ sơ của các cơ quan chức năng và tình hình thực tế thực hiện đợt phát hành;
- D là ngày nhận giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN.

10. Phương thức thực hiện quyền

❖ Điều kiện thực hiện quyền

Các cổ đông hiện hữu thuộc Danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách cổ đông để phân bổ quyền mua.

❖ Thời gian thực hiện quyền

Dự kiến tối thiểu 20 ngày kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, cổ đông thuộc Danh sách sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định.

❖ Quyền lợi cổ đông

Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định. Quyền mua cổ phần của cổ đông hiện hữu được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo giá thỏa thuận giữa hai bên và chỉ được phép chuyển nhượng 01 lần. Bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.

Trường hợp chuyển nhượng quyền mua của các cổ đông lớn dẫn đến tỷ lệ sở hữu của bên nhận

chuyển nhượng vượt quá quy định về chào mua công khai thì Đại hội đồng cổ đông thông qua việc nhận chuyển nhượng quyền mua và mua cổ phần của đợt phát hành này không phải thực hiện chào mua công khai cổ phiếu. Các đối tượng nhận chuyển nhượng quyền mua phải công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu theo quy định liên quan.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền mua bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất cứ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền mua của cổ đông.

❖ *Chuyển giao cổ phiếu*

Trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt chào bán, Công ty Cổ phần Camimex Group sẽ chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký tại Trụ sở chính của Công ty.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo giá thỏa thuận giữa hai bên và chỉ được phép chuyển nhượng 01 lần. Bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba;
- Số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được Hội đồng quản trị chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- Toàn bộ số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền sẽ được tự do chuyển nhượng;
- Các cổ đông trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu mua thêm từ quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Số tài khoản: 1017852295

Mở tại: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Chi nhánh Cà Mau

Người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Camimex Group

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của CTCP Camimex Group
CTCP Camimex Group không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà phát luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

14. Hủy bỏ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán để bổ sung vốn lưu động và cơ cấu lại khoản nợ nên không thuộc trường hợp bị hủy bỏ đợt chào bán khi không đảm bảo tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu 70%.

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty được xác định tối đa là 50%.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 26/05/2021, Công ty có 45 cổ đông nước ngoài sở hữu 6.065.179 cổ phiếu chiếm 19,95% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Công ty Cổ phần Camimex Group cam kết thực hiện triển khai việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài theo quy định pháp luật.

16. Các loại thuế có liên quan

Các cổ đông sẽ phải chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức ... theo các quy định hiện hành của luật thuế Thu nhập cá nhân, luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

16.1. Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 của Chính phủ về các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- ✓ Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- ✓ Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
 - Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- ✓ Kỳ tính thuế:
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

16.2. Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

- Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

17. Thông tin về các cam kết

CTCP Camimex Group cam kết hoàn thiện hồ sơ, thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký niêm yết toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định pháp luật.

18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 về việc chào bán 30.408.751 cổ phiếu với giá 10.000 đ/cp cho cổ đông hiện hữu. Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được Công ty sử dụng cụ thể như sau:

TT	Khoản mục	Số tiền sử dụng từ đợt phát hành (đồng)
1	Bổ sung vốn lưu động	105.000.000.000
2	Cơ cấu lại các khoản nợ	199.087.510.000
Tổng cộng		304.087.510.000

2. Phương án khả thi (trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án)

Không có

3. Thông tin về tình hình triển khai dự án

Không có

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN
1. Tổng số tiền dự kiến thu được phân bổ theo từng mục đích sử dụng vốn

Thừa ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị CTCP Camimex Group đã ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị V/v: *Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài* với phương án sử dụng vốn chi tiết như sau:

TT	Khoản mục	Mục đích	Số tiền sử dụng (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Cơ cấu lại các khoản nợ		199.087.510.000	
1.1	Khoản vay	Trả nợ vay CTCP Camimex	74.335.000.000	31/07/2021
1.2	Công nợ	Trả công nợ hàng hóa CTCP Camimex	124.752.510.000	31/07/2021
2	Bổ sung vốn lưu động	Mua tôm nguyên liệu	105.000.000.000	31/08/2021
	Tổng cộng		304.087.510.000	

Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết và số lượng vốn huy động không đủ tài trợ cho mục đích chào bán, thì Công ty sẽ huy động từ các nguồn khác như vay ngân hàng, vay cá nhân, vay các tổ chức khác để bổ sung với nguyên tắc sử dụng vốn ưu tiên theo thứ tự từ trên xuống dưới.

2. Kế hoạch sử dụng tiền chi tiết

Thực hiện theo định hướng phát triển mà Đại hội đồng cổ đông giao, những năm qua Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc Công ty đã nỗ lực, tích cực triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt được những kết quả nhất định trong tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, thoát khỏi lỗ lũy kế. Cụ thể:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu thuần	861.844	839.567	992.434	136.456	11.064
Lợi nhuận sau thuế	9.867	5.918	14.097	52.420	764
Tổng tài sản	1.020.086	1.180.610	495.591	553.603	623.673
Vốn chủ sở hữu	159.860	176.164	186.181	201.585	346.331
Tổng nợ phải trả	860.226	1.004.446	309.411	352.018	277.342
Vay và nợ thuê tài chính	365.071	200.808	176.387	164.764	119.689
Chi phí lãi vay	16.015	11.404	11.299	9.956	2.009
Nợ phải trả/tổng tài sản	0,84	0,85	0,62	0,64	0,44

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán 2016 – 2020

Tuy nhiên, để đạt được kết quả kinh doanh như trên, các năm qua Công ty sử dụng nhiều vốn vay, dẫn đến đòn bẩy tài chính luôn duy trì mức cao, đồng thời chi phí lãi vay ăn mòn vào lợi nhuận. Điều này tiềm ẩn nhiều rủi ro tài chính cho Công ty.

Bước sang năm 2021, Hội đồng quản trị đánh giá đây là thời cơ tốt để Công ty tiếp tục tăng trưởng khi mà cả nội và ngoại lực đều thuận lợi.

- Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) đã có hiệu lực 08/2020. Các đơn đặt hàng của Công ty cũng gia tăng về số lượng và chất lượng.
- Cùng với đó thời gian qua Camimex Group đã thực hiện việc cải tạo, nâng cấp, mở rộng nhà xưởng, hệ thống kho lạnh, máy móc, thiết bị cũng đã được đầu tư cải thiện, tăng công suất sản xuất từ 11.600 tấn/năm lên 18.800 tấn/năm đảm bảo khả năng đáp ứng nhu cầu của khách hàng cái mà đã rất nhiều năm Công ty phải thỏa thuận khiếm tốn với khách hàng không thể thực hiện giao hàng đầy đủ.

Do vậy, với đặc thù là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành tôm, ngành mà tỷ trọng nguyên liệu chiếm tới 80% chi phí giá thành, để có thể hoàn thành tốt kế hoạch tăng trưởng kinh doanh, đáp ứng nhu cầu khách hàng và công suất của nhà xưởng, Công ty cần lượng vốn lưu động lớn. Tuy nhiên tỷ số nợ của Công ty đang ở mức cao, vốn lưu động không thể phụ thuộc quá nhiều từ nguồn vốn vay.

Vi vậy Công ty dự kiến sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu để:

- Bổ sung vốn lưu động.
- Cơ cấu lại các khoản nợ.

2.1. Bổ sung vốn lưu động

Nguồn nguyên liệu tôm nói chung (tôm sú và tôm thẻ) có mùa thu hoạch chính từ tháng 5 – tháng 11, đây cũng là các tháng xuất khẩu chủ lực của Công ty. Hiện Công ty đã ký kết hợp đồng mua bán với nhà cung cấp tôm sú và thẻ nguyên liệu. Do đó, CMX dự kiến sử dụng một phần số vốn thu được từ đợt phát hành để bổ sung vốn lưu động phục vụ mua tôm nguyên liệu sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu mùa cao điểm chi tiết như sau:

STT	Nhà cung cấp	Hàng hóa	Giá trị (triệu đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt phát hành (triệu đồng)	Thời gian nhận hàng	Thời gian thanh toán
1	Công ty TNHH MTV XNK Thủy sản Thiên Mã Quỳnh	Sú nguyên liệu, thẻ chân trắng	42.520	40.000	31/05/2021	trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được hàng

STT	Nhà cung cấp	Hàng hóa	Giá trị (triệu đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt phát hành (triệu đồng)	Thời gian nhận hàng	Thời gian thanh toán
2	Công ty TNHH MTV Bùi Ngọc Trâm	Sứ nguyên liệu, thẻ chân trắng	44.125	40.000	31/05/2021	trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được hàng
3	CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Nhất Phát	Sứ nguyên liệu, thẻ chân trắng	34.300	25.000	31/05/2021	trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được hàng
	Tổng		120.945	105.000		

2.2. Cơ cấu lại các khoản nợ

STT	Tên	Mối quan hệ với CMX	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Số tiền dự kiến thanh toán (triệu đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân	Lãi suất	Mục đích
I	Khoản vay						
1	CTCP Camimex	Công ty con	250.000	74.335	31/07/2021	0%	Trả nợ ngân hàng
II	Công nợ						
1	CTCP Camimex	Công ty con	124.780	124.752,51	31/07/2021	-	Mua hàng hóa
	Tổng			199.087,51			

2.2.1. Trả nợ vay

Với định hướng xây dựng chuỗi giá trị tôm khép kín, Công ty mẹ Camimex Group và các phòng ban đầu não chủ yếu mang tính hỗ trợ là chính, không đặt nặng nhiều vào vấn đề sản xuất mà đúng ra thiết lập chuẩn mực, đi quan hệ tìm kiếm đối tác để đưa và phân bổ về cho các Công ty con, liên doanh, liên kết nên kết quả sản xuất kinh doanh tại Công ty mẹ sụt giảm trong khi đó nợ vay vẫn duy trì ở mức cao do tồn đọng từ những năm trước. Năm 2020, để trả nợ vay ngân hàng đến hạn, CTCP Camimex Group phải vay nợ CTCP Camimex.

Theo đó, căn cứ hợp đồng vay nợ số 0101/CVKL/GROUP-CMX và phụ lục hợp đồng đã được 2 bên ký kết, tới ngày 30/09/2021, CTCP Camimex Group phải trả hết dứt điểm cho CTCP

Camimex toàn bộ số dư nợ. Do vậy, CTCP Camimex Group dự kiến sử dụng một phần số tiền thu được từ đợt phát hành này để trả nợ vay CTCP Camimex. Thông tin hợp đồng vay nợ chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời gian đáo hạn	Lãi suất	Số dư nợ tính đến 30/06/2021 (triệu đồng)	Số tiền dự kiến trả nợ (triệu đồng)
CTCP Camimex	0101/CVKL/ GROUP-CMX	250.000	30/09/2021	Không tính lãi	78.381	74.335

2.2.2. Công nợ: 124.752.510.000 đồng

CTCP Camimex là công ty con chuyên đảm nhận khâu gia công, chế biến sản xuất trong chuỗi giá trị từ con giống đến bàn ăn thuộc CTCP Camimex Group. Trong khi đó, Công ty mẹ Camimex Group với hơn 40 năm hoạt động kinh doanh cùng hệ thống khách hàng lớn, đa dạng sẽ đảm nhiệm vai trò phân phối, giới thiệu sản phẩm. Do đó, Công ty mẹ Camimex Group sẽ nhập thành phẩm của Camimex để tiếp tục phân phối ra thị trường với các sản phẩm như tôm thẻ chân trắng, tôm sú,... xuất khẩu đến hơn 25 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Theo hợp đồng mua bán giữa hai bên, điều khoản thanh toán tại các hợp đồng được quy định như sau: *Bên B sẽ ra hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên A theo quy định của Nhà nước. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B một lần, khi phía Bên A/khi phía bên khách hàng của bên A nhận được hàng.*

(Bên A là CTCP Camimex Group; Bên B là CTCP Camimex).

Theo đó, CTCP Camimex Group đã nhận được hàng của CTCP Camimex tuy nhiên do chưa có đủ nguồn tiền trả nợ theo điều khoản thanh toán nên chúng tôi đã ghi nhận số tiền phải thanh toán vào tài khoản 331. Phải trả người bán trong bảng cân đối kế toán trên báo cáo tài chính. Cụ thể số dư khoản phải trả người bán: CTCP Camimex giai đoạn năm 2018 – quý II/2021 được ghi nhận như sau:

Thời gian	Số dư phải trả (đồng)
31/12/2018	91.915.333.594
31/12/2019	132.349.802.163
31/12/2020	127.767.144.863
30/06/2021	134.283.270.689

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2018, 2019, 2020, BCTC Công ty mẹ Quý II/2021
 Đồng thời, theo Biên bản xác nhận thời hạn thanh toán công nợ giữa CTCP Camimex Group và

tại HOSE ở thời điểm hiện tại. Vì vậy, tổ chức tư vấn đánh giá việc thành công của đợt phát hành này là khả thi.

Ngoài ra, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị về phương án xử lý số cổ phần không bán hết, số cổ phần cổ đông hiện hữu từ chối mua sẽ được:

- Chủ tịch HĐQT tiếp tục chào bán với giá bằng mệnh giá (10.000 đ/cp) theo thứ tự ưu tiên cho các thành viên sau: Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Cán bộ công nhân viên Công ty, Các cổ đông hiện hữu khác.
- Nếu các đối tượng này không mua hết, chủ tịch HĐQT được quyền lựa chọn chào bán cho các đối tượng khác với mức giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Cuối cùng, số cổ phiếu chào bán không được mua hết dẫn đến số tiền thu được không đủ tài trợ cho mục đích chào bán thì Công ty sẽ sử dụng nguồn khác như vay ngân hàng, vay cá nhân, vay các tổ chức khác để bổ sung.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

XII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQĐHĐCĐ.2020 ngày 28/06/2020

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/NQ.HĐQT.CMX ngày 19/05/2021 V/v: Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/NQ.HĐQT.CMX ngày 19/05/2021 V/v: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
3. **Phụ lục III:** Điều lệ công ty
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính.
5. **Phụ lục V:** Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất được kiểm toán

Cà Mau, ngày27. tháng 7..... năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CHỦ TỊCH HĐQT



BÙI SĨ TUẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC


HUỲNH VĂN TẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG


HUỲNH CÔNG NHÂN

Hà Nội, ngày21... tháng ..7..... năm 2021.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**



TRẦN THỊ THU THANH

